

**TCVN**

**TIÊU CHUẨN QUỐC GIA**

**TCVN 13167:2025**

Xuất bản lần 2

**TRUY XUẤT NGUỒN GỐC – CÁC TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ  
HỆ THỐNG TRUY XUẤT NGUỒN GỐC**

*Traceability – Compliance criteria for traceability system*

**HÀ NỘI – 2025**

## Mục lục

|                                                                                                                                                                                  | Trang |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------|
| Lời nói đầu .....                                                                                                                                                                | 4     |
| Lời giới thiệu .....                                                                                                                                                             | 5     |
| 1 Phạm vi áp dụng .....                                                                                                                                                          | 7     |
| 2 Tài liệu viện dẫn .....                                                                                                                                                        | 7     |
| 3 Thuật ngữ, định nghĩa và chữ viết tắt .....                                                                                                                                    | 8     |
| 3.1 Thuật ngữ và định nghĩa .....                                                                                                                                                | 8     |
| 3.2 Chữ viết tắt .....                                                                                                                                                           | 12    |
| 4 Yêu cầu chung .....                                                                                                                                                            | 13    |
| 4.1 Các mức độ tuân thủ tiêu chí đánh giá .....                                                                                                                                  | 13    |
| 4.2 Danh mục kiểm tra truy xuất nguồn gốc và mối liên quan với các tiêu chuẩn khác về truy xuất nguồn gốc và thực hành sản xuất tốt .....                                        | 14    |
| 4.3 Hướng dẫn sử dụng các điểm kiểm soát .....                                                                                                                                   | 14    |
| 5 Các điểm kiểm soát và tiêu chí đánh giá tại mỗi điểm kiểm soát .....                                                                                                           | 17    |
| 6 Yêu cầu sản xuất, kinh doanh và quy tắc sản xuất, kinh doanh .....                                                                                                             | 31    |
| 6.1 Yêu cầu sản xuất, kinh doanh .....                                                                                                                                           | 31    |
| 6.2 Quy tắc sản xuất, kinh doanh .....                                                                                                                                           | 35    |
| Phụ lục A (tham khảo) So sánh các tiêu chí đánh giá nêu trong tiêu chuẩn này với các tiêu chuẩn liên quan đến truy xuất nguồn gốc và các tiêu chuẩn thực hành sản xuất tốt ..... | 39    |
| Thư mục tài liệu tham khảo .....                                                                                                                                                 | 61    |

## Lời nói đầu

TCVN 13167:2025 thay thế TCVN 13167:2020;

TCVN 13167:2025 được xây dựng trên cơ sở tham khảo tài liệu *GS1 Global traceability compliance criteria standard* (2021);

TCVN 13167:2025 do Ban kỹ thuật tiêu chuẩn quốc gia TCVN/TC/F3 *Nguyên tắc chung về vệ sinh thực phẩm* biên soạn, Viện Tiêu chuẩn Chất lượng Việt Nam đề nghị, Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia thẩm định, Bộ Khoa học và Công nghệ công bố.

## Lời giới thiệu

Công cụ phân tích khoảng trống về truy xuất nguồn gốc đóng vai trò quan trọng đối với mọi tổ chức sản xuất hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ phải đáp ứng các mục tiêu của khách hàng, các yêu cầu luật định và mục tiêu hoạt động. Hệ thống truy xuất nguồn gốc hiện hành của tổ chức có thể được kiểm tra thông qua công cụ thiết thực với các hướng dẫn đảm bảo dữ liệu và thông tin cần thiết được ghi lại và được phản ánh dọc theo chuỗi cung ứng, từ điểm sản xuất đến khách hàng.

Danh mục kiểm tra truy xuất nguồn gốc tại các điểm kiểm soát và các tiêu chí đánh giá là công cụ được xây dựng để cải tiến liên tục các hệ thống truy xuất nguồn gốc sử dụng các tiêu chuẩn toàn cầu. Công cụ này giúp đảm bảo sự tuân thủ đối với các yêu cầu bắt buộc về truy xuất nguồn gốc trong hệ thống quản lý chất lượng và đánh giá chúng theo các tiêu chuẩn toàn cầu và các quy định về truy xuất nguồn gốc quan trọng khác.

Hệ thống truy xuất nguồn gốc cần được hỗ trợ bởi các biện pháp thực hành tốt nhất theo nhu cầu của từng lĩnh vực, các quy định quốc tế và tiêu chuẩn toàn cầu. Mức độ phức tạp của hệ thống có thể khác nhau tùy thuộc vào vị trí của nó trong chuỗi cung ứng (nhà cung cấp, cơ sở sản xuất, nhà phân phối, cơ sở bán lẻ, v.v...), đặc tính của sản phẩm và mục tiêu sản xuất, kinh doanh yêu cầu.

Tiêu chuẩn này là cơ sở để kiểm tra các thành phần chính truy xuất nguồn gốc và thiết kế khung hệ thống truy xuất nguồn gốc, định danh, thu thập và chia sẻ thông tin truy xuất nguồn gốc giữa các đối tác thương mại trong chuỗi cung ứng mở rộng.



## Truy xuất nguồn gốc – Các tiêu chí đánh giá đối với hệ thống truy xuất nguồn gốc

*Traceability – Compliance criteria for traceability system*

### 1 Phạm vi áp dụng

Tiêu chuẩn này quy định các tiêu chí đánh giá đối với hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm thực phẩm và phi thực phẩm. Tiêu chuẩn này xác định các yếu tố cần thiết để xây dựng các biện pháp thực hành đối với việc sản xuất và phân phối sản phẩm cần truy xuất nguồn gốc.

Các tiêu chí đánh giá thể hiện dưới dạng danh mục kiểm tra (checklist), được thiết kế để áp dụng và/hoặc xem xét hệ thống truy xuất nguồn gốc hiện hành của tổ chức, bao gồm cơ sở sản xuất, cơ sở sơ chế, cơ sở chế biến, nhà cung cấp sản phẩm và dịch vụ cho chuỗi cung ứng.

Tiêu chuẩn này áp dụng cho các tổ chức sau đây:

- cơ sở sản xuất bao bì và vật chứa;
- nông dân/cơ sở trồng trọt, chăn nuôi;
- cơ sở xuất khẩu và nhập khẩu;
- cơ sở cung cấp dịch vụ logistic;
- cơ sở sản xuất/cơ sở chế biến;
- cơ sở bán lẻ;
- cơ sở cung cấp dịch vụ lưu kho và ký gửi;
- cơ sở cung cấp dịch vụ logistic bên thứ ba;
- cơ sở vận chuyển;
- cơ sở bán buôn.

### 2 Tài liệu viện dẫn

Các tài liệu viện dẫn sau rất cần thiết cho việc áp dụng tiêu chuẩn này. Đối với các tài liệu viện dẫn ghi năm công bố thì áp dụng phiên bản được nêu. Đối với các tài liệu viện dẫn không ghi năm công bố thì

## TCVN 13167:2025

áp dụng phiên bản mới nhất, bao gồm cả các sửa đổi, bổ sung (nếu có).

TCVN 6939, *Mã số vật phẩm – Mã số thương phẩm toàn cầu 13 chữ số – Yêu cầu kỹ thuật*

TCVN 6940, *Mã số vật phẩm – Mã số thương phẩm toàn cầu 8 chữ số – Yêu cầu kỹ thuật*

TCVN 7199, *Phân định và thu thập dữ liệu tự động – Mã số địa điểm toàn cầu GS1 – Yêu cầu kỹ thuật*

TCVN 7200, *Mã số mã vạch vật phẩm – Mã công-ten-nơ vận chuyển theo xê-ri (SSCC) – Yêu cầu kỹ thuật*

TCVN 7639, *Mã toàn cầu phân định tài sản có thể quay vòng (GRAI) và mã toàn cầu phân định tài sản riêng (GIAI) – Yêu cầu kỹ thuật*

TCVN 12850, *Truy xuất nguồn gốc – Yêu cầu chung đối với hệ thống truy xuất nguồn gốc*

TCVN ISO 22005 (ISO 22005), *Xác định nguồn gốc trong chuỗi thực phẩm và thức ăn chăn nuôi – Nguyên tắc chung và yêu cầu cơ bản đối với việc thiết kế và thực hiện hệ thống*

## 3 Thuật ngữ, định nghĩa và chữ viết tắt

### 3.1 Thuật ngữ và định nghĩa

Trong tiêu chuẩn này áp dụng các thuật ngữ và định nghĩa nêu trong TCVN 12850 cùng với các thuật ngữ và định nghĩa sau đây:

#### 3.1.1

##### **GS1**

Tổ chức mã số mã vạch toàn cầu, xây dựng và ban hành các tiêu chuẩn quốc tế về mã số, mã vạch, quy định các thủ tục quản lý, sử dụng và cung cấp các dịch vụ có liên quan

#### 3.1.2

##### **Hệ thống GS1 (GS1 system)**

Các quy định kỹ thuật, tiêu chuẩn và hướng dẫn của GS1

#### 3.1.3

##### **Cơ sở sản xuất (manufacturer)**

##### **Cơ sở chế biến (producer/handler)**

bất kỳ tổ chức nào sản xuất, tổng hợp, chuẩn bị, xử lý, cải biến, đóng gói hoặc các thay đổi kết hợp trong sản phẩm bao gồm nguồn cung cấp sản phẩm, vật liệu đóng gói và nguyên liệu thô.

#### 3.1.4

##### **Nhà cung cấp (provider)**

bất kỳ tổ chức nào cung cấp nguyên vật liệu tiếp xúc trực tiếp với các sản phẩm được sản xuất hoặc chế biến.

**3.1.5****Nhà cung cấp dịch vụ (service provider)**

bất kỳ tổ chức nào cung cấp dịch vụ tiếp xúc trực tiếp với các sản phẩm được sản xuất hoặc chế biến.

**3.1.6****Đánh giá (audit)**

Quá trình có hệ thống, độc lập và dạng văn bản để thu được bằng chứng khách quan và xem xét đánh giá chúng một cách khách quan để xác định mức độ thực hiện các tiêu chí đánh giá

CHÚ THÍCH 1: Đánh giá nội bộ thường được gọi là đánh giá của bên thứ nhất, do tổ chức tự thực hiện hoặc thực hiện với danh nghĩa của tổ chức.

CHÚ THÍCH 2: Đánh giá bên ngoài bao gồm đánh giá của bên thứ hai và bên thứ ba. Đánh giá của bên thứ hai được tiến hành bởi các bên quan tâm tới tổ chức, như khách hàng hoặc người khác với danh nghĩa của khách hàng. Đánh giá bên thứ ba được tiến hành bởi tổ chức đánh giá độc lập, như tổ chức cấp chứng nhận/đăng ký sự phù hợp hoặc cơ quan quản lý.

[NGUỒN: 3.1 của TCVN ISO 19011:2018 (ISO 19011:2018)]

**3.1.7****Tiêu chí đánh giá (compliance criteria/audit criteria)**

Các dữ kiện cần được tổ chức giám sát và lập thành văn bản để duy trì khả năng truy xuất nguồn gốc tại một điểm kiểm soát nhất định

**3.1.8****Đoàn đánh giá (audit team)**

Một hay nhiều cá nhân tiến hành cuộc đánh giá, với sự hỗ trợ của các chuyên gia kỹ thuật khi cần

CHÚ THÍCH 1: Một chuyên gia đánh giá trong đoàn đánh giá được chỉ định làm trưởng đoàn đánh giá.

CHÚ THÍCH 2: Đoàn đánh giá có thể bao gồm người đánh giá tập sự.

[NGUỒN: 3.13.14 của TCVN ISO 9000:2015 (ISO 9000:2015)]

**3.1.9****Khắc phục (correction)**

Hành động nhằm loại bỏ sự không phù hợp được phát hiện

CHÚ THÍCH 1: Việc khắc phục có thể được thực hiện trước, đồng thời hoặc sau hành động khắc phục.

CHÚ THÍCH 2: Việc khắc phục có thể là làm lại hoặc hạ cấp.

[NGUỒN: 3.12.3 của TCVN ISO 9000:2015 (ISO 9000:2015)]

**3.1.10****Hành động khắc phục (corrective action)**

Hành động nhằm loại bỏ nguyên nhân của sự không phù hợp hoặc các tình huống không mong muốn khác được phát hiện trong hệ thống truy xuất nguồn gốc

[NGUỒN: 3.12.2 của TCVN ISO 9000:2015 (ISO 9000:2015), có sửa đổi]

3.1.11

**Tổ chức** (organization)

Người hoặc nhóm người với chức năng riêng của mình có trách nhiệm, quyền hạn và mối quan hệ để đạt được các mục tiêu của mình

[NGUỒN: 3.2.1 của TCVN ISO 9000:2015 (ISO 9000:2015)]

3.1.12

**Quá trình** (process)

Tập hợp các hoạt động có liên quan hoặc tương tác lẫn nhau, sử dụng đầu vào để cho ra kết quả dự kiến

[NGUỒN: 3.4.1 của TCVN ISO 9000:2015 (ISO 9000:2015)]

3.1.13

**Mối nguy về an toàn** (safety hazard)

Tác nhân sinh học, hóa học hoặc vật lý trong sản phẩm hoặc điều kiện của sản phẩm có khả năng gây tác động xấu đối với sức khỏe

3.1.14

**Dữ liệu truy xuất nguồn gốc** (traceability data)

Mọi thông tin về lai lịch, quá trình áp dụng hoặc địa điểm của vật phẩm có thể truy xuất, có thể là dữ liệu chủ hoặc dữ liệu giao dịch

3.1.15

**Mẻ** (batch)

**Lô** (lot)

Tập hợp một chủng loại sản phẩm, hàng hóa có cùng tên gọi, kết cấu, công dụng, được sản xuất ở cùng một cơ sở, cùng một thời gian và trên cùng một dây chuyền công nghệ

3.1.16

**Thương phẩm** (trade item)

Sản phẩm cần truy tìm thông tin đã định trước và có thể đã được định giá, đặt hàng hoặc lập hóa đơn tại bất kì điểm nào trong chuỗi cung ứng.

[NGUỒN: 2.175 của TCVN 9086:2011, có sửa đổi]

3.1.17

**Vật phẩm có thể truy xuất** (traceable item)

Vật thể có thể hoặc không phải là thương phẩm, cần truy tìm thông tin về lai lịch, quá trình sử dụng hoặc địa điểm của nó.

CHÚ THÍCH 1: Cấp độ tại đó vật phẩm có thể truy xuất được xác định là phụ thuộc vào tổ chức và mức độ kiểm soát yêu cầu (ví dụ: trong phạm vi đóng gói sản phẩm hoặc logistic). Vật phẩm này có thể được truy xuất ngược,

truy xuất xuôi hoặc thu hồi cùng lúc tại nhiều địa điểm (ví dụ: nếu được định danh tại cấp thương phẩm và cấp lô). Đây là sự chọn lựa của bên truy xuất nguồn gốc, khi cấp định danh (ví dụ: GTIN hoặc cấp lô hoặc cấp xê-ri) dùng cho vật phẩm có thể truy xuất.

CHÚ THÍCH 2: Vật phẩm có thể truy xuất có thể thuộc các cấp độ sau:

- sản phẩm hoặc vật phẩm thương mại (thương phẩm, ví dụ hộp/thùng hàng, vật phẩm tiêu dùng);
- đơn vị logistic (ví dụ: thùng hàng, công-ten-nơ);
- chuyển hàng hoặc việc di chuyển sản phẩm hoặc thương phẩm.

### 3.1.18

#### **Đơn vị logistic (logistic unit)**

Một vật phẩm có thành phần bất kì được thiết lập để vận chuyển và/hoặc lưu kho cần được quản lý suốt chuỗi cung ứng.

CHÚ THÍCH: Đơn vị logistic được định danh bằng SSCC.

### 3.1.19

#### **Đối tác thương mại (trading partner)**

Các bên tham gia chuỗi cung ứng có tác động đến dòng vật phẩm trong chuỗi cung ứng.

### 3.1.20

#### **Đơn vị vận chuyển (transporter)**

Bên có thể truy xuất nguồn gốc tiếp nhận, mang và phân phối một hoặc nhiều vật phẩm có thể truy xuất từ một điểm này đến một điểm khác mà không làm thay đổi vật phẩm đó

CHÚ THÍCH: Thông thường, đơn vị vận chuyển chỉ sự giám hộ hoặc kiểm soát vật phẩm có thể truy xuất, nhưng cũng có thể có quyền sở hữu.

### 3.1.21

#### **Chuyển hàng (shipment)**

Một nhóm các đơn vị logistic và các đơn vị vận chuyển được người bán (bên gửi) tập hợp, định danh và chuyển theo một thông báo chuyển hàng và/hoặc vận đơn đến khách hàng (bên nhận)

### 3.1.22

#### **Địa điểm (location)**

Vị trí nơi vật phẩm có thể truy xuất hoặc có thể định vị

CHÚ THÍCH: Địa điểm có thể là địa điểm sản xuất, sơ chế, lưu kho và/hoặc bán hàng.

### 3.1.23

#### **Dữ liệu gốc (master data)**

Dữ liệu mô tả từng vật phẩm và các bên tham gia vào các quy trình trong chuỗi cung ứng, có bản chất lâu dài hoặc vĩnh viễn, tương đối ổn định theo thời gian (không bị thay đổi thường xuyên), có thể truy cập và sử dụng bởi nhiều quy trình nghiệp vụ và ứng dụng hệ thống

3.1.24

**Số định danh ứng dụng của GS1 (GS1 Application Identifier)**

**AI**

Trường bao gồm hai hoặc nhiều chữ số ở phần đầu chuỗi yếu tố để xác định đơn nhất định dạng và ý nghĩa của chuỗi đó

3.1.25

**Mã số địa điểm toàn cầu (Global Location Number)**

**GLN**

Dãy số gồm tiền tố mã doanh nghiệp và số định danh địa điểm theo tiêu chuẩn GS1

3.1.26

**Mã số sản phẩm toàn cầu (Global Trade Item Number)**

**GTIN**

Dãy số gồm tiền tố mã doanh nghiệp và số định danh sản phẩm theo tiêu chuẩn GS1

3.1.27

**Mã số toàn cầu định danh chuyển hàng (Global Shipment Identification Number)**

**GSIN**

Dãy số gồm tiền tố mã doanh nghiệp, số tham chiếu bên gửi và số kiểm tra theo tiêu chuẩn GS1

3.1.28

**Mã công-ten-nơ vận chuyển theo xê-ri (Serial Shipping Container Code)**

**SSCC**

Dãy số gồm một chữ số mở rộng, tiền tố mã doanh nghiệp, số tham chiếu theo xê-ri và số kiểm tra theo tiêu chuẩn GS1

3.2 Chữ viết tắt

|                    |                                     |                                        |
|--------------------|-------------------------------------|----------------------------------------|
| AI                 | Application Identifier              | Số định danh ứng dụng                  |
| AMD                | Align Master Data                   | Căn chỉnh dữ liệu gốc                  |
| CTE                | Critical Tracking Event             | Sự kiện theo dõi trọng yếu             |
| DESADV             | Despatch Advice                     | Thông báo giao hàng                    |
| EPC                | Electronic Product Code             | Mã điện tử sản phẩm                    |
| GDSN <sup>1)</sup> | Global Data Synchronisation Network | Mạng đồng bộ hóa dữ liệu toàn cầu      |
| GIAI               | Global Individual Asset Identifier  | Mã số toàn cầu định danh tài sản riêng |

<sup>1)</sup> Tại Việt Nam, đến nay cơ sở dữ liệu mã số mã vạch quốc gia đã được kết nối với GDSN.

|      |                                       |                                                  |
|------|---------------------------------------|--------------------------------------------------|
| GLN  | Global Location Number                | Mã số địa điểm toàn cầu                          |
| GRAI | Global Returnable Asset Identifier    | Mã số toàn cầu định danh tài sản có thể hoàn lại |
| GSIN | Global Shipment Identification Number | Mã số toàn cầu định danh chuyển hàng             |
| GS1  | GS1                                   | Tổ chức mã số mã vạch quốc tế                    |
| GTIN | Global Trade Item Number              | Mã số sản phẩm toàn cầu                          |
| ID   | Identifier                            | Mã định danh                                     |
| KDE  | Key Data Element                      | Phần tử dữ liệu chính                            |
| RFID | Radio Frequency Identification        | Định danh bằng tần số radio                      |
| RT   | Request Trace                         | Yêu cầu truy xuất nguồn gốc                      |
| RTD  | Record Traceability Data              | Ghi lại dữ liệu truy xuất nguồn gốc              |
| SSCC | Serial Shipping Container Code        | Mã công-ten-nơ vận chuyển theo xê-ri             |
| UPC  | Universal Product Codes               | Mã sản phẩm chung                                |
| BR   | Business requirements                 | Yêu cầu sản xuất, kinh doanh                     |
| BRU  | Business rules                        | Quy tắc sản xuất, kinh doanh                     |

## 4 Yêu cầu chung

### 4.1 Các mức độ tuân thủ tiêu chí đánh giá

Tiêu chuẩn này đưa ra các mức độ tuân thủ các tiêu chí đánh giá hệ thống truy xuất nguồn gốc đối với tổ chức. Các mức độ tuân thủ cụ thể tại các điểm kiểm soát của hệ thống truy xuất nguồn gốc được nêu trong Bảng 1.

**Bảng 1 – Các mức độ tuân thủ tiêu chí đánh giá tại các điểm kiểm soát của hệ thống truy xuất nguồn gốc**

| Mức độ tuân thủ              | Diễn giải                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Yêu cầu                                     |
|------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------|
| <b>Bắt buộc</b>              | Các điểm kiểm soát này đáp ứng các yêu cầu quan trọng nhất theo Điều 6.1 của tiêu chuẩn này và/hoặc TCVN ISO 22005 (ISO 22005); chuyên gia đánh giá không được chỉ ra các điểm kiểm soát này là "không áp dụng"                                                                             | Phải tuân thủ tất cả các điểm kiểm soát này |
| <b>Bắt buộc có điều kiện</b> | Các điểm kiểm soát này đáp ứng các yêu cầu quan trọng nhất theo Điều 6.1 của tiêu chuẩn này và/hoặc TCVN ISO 22005 (ISO 22005), nhưng chuyên gia đánh giá có thể chỉ ra các điểm kiểm soát này là "không áp dụng", tùy theo thực tế hoặc tình huống cụ thể được thực hiện trong mỗi tổ chức | Phải tuân thủ tất cả các điểm kiểm soát này |

Bảng 1 (kết thúc)

| Mức độ tuân thủ    | Diễn giải                                                                                                                                                                                                                                   | Yêu cầu                                                 |
|--------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------|
| <b>Tùy chọn</b>    | Các điểm kiểm soát này đáp ứng các yêu cầu theo Điều 6.1 của tiêu chuẩn này thuộc trách nhiệm của đối tác thương mại có thương phẩm do tổ chức được đánh giá tiếp nhận                                                                      | Không nhất thiết tuân thủ tất cả các điểm kiểm soát này |
| <b>Khuyến nghị</b> | Các điểm kiểm soát này đáp ứng các yêu cầu truy xuất nguồn gốc không nêu trong Điều 6.1 của tiêu chuẩn này và TCVN ISO 22005 (ISO 22005), theo các biện pháp thực hành sản xuất tốt hoặc theo hướng dẫn truy xuất nguồn gốc (xem Phụ lục A) | Không nhất thiết tuân thủ tất cả các điểm kiểm soát này |

Mỗi điểm kiểm soát có thể được đánh giá là tuân thủ ("Có"), không tuân thủ ("Không") hoặc không áp dụng. Câu trả lời "không áp dụng" không được sử dụng cho các điểm kiểm soát "bắt buộc". Đối với các điểm kiểm soát còn lại, chỉ có trường nhóm đánh giá được quyền quyết định câu trả lời "không áp dụng".

Phải đánh giá mọi điểm kiểm soát trong danh mục kiểm tra truy xuất nguồn gốc nêu trong Điều 5.

#### 4.2 Danh mục kiểm tra truy xuất nguồn gốc và mối liên quan với các tiêu chuẩn khác về truy xuất nguồn gốc và thực hành sản xuất tốt

Có một số điểm kiểm soát trong danh mục kiểm tra truy xuất nguồn gốc đáp ứng các yêu cầu truy xuất nguồn gốc có trong các tiêu chuẩn khác liên quan đến truy xuất nguồn gốc và các tiêu chuẩn thực hành sản xuất tốt (xem Phụ lục A).

Trong quá trình đánh giá, nếu tổ chức muốn so sánh hệ thống truy xuất nguồn gốc của mình với các tiêu chuẩn khác với tiêu chuẩn này thì tham khảo A.19 của Phụ lục A.

#### 4.3 Hướng dẫn sử dụng các điểm kiểm soát

Danh mục kiểm tra truy xuất nguồn gốc có 73 điểm kiểm soát, chia thành 12 nhóm, mỗi nhóm có mục tiêu truy xuất nguồn gốc khác nhau. Bảng 2 diễn giải về nội dung và cách thức đánh giá đối với mỗi nhóm điểm kiểm soát nêu trong Điều 5 của tiêu chuẩn này.

Bảng 2 – Nội dung và cách thức đánh giá đối với mỗi nhóm điểm kiểm soát

| Nhóm điểm kiểm soát    | Điểm kiểm soát | Mô tả                                                                                                               |
|------------------------|----------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1. Lựa chọn mục tiêu   | 1.1 đến 1.4    | Kiến thức về các yêu cầu đối với hệ thống truy xuất nguồn gốc                                                       |
| 2. Định nghĩa sản phẩm | 2.1 đến 2.5    | Án định thương phẩm trong hệ thống dữ liệu gốc đối với tất cả thương phẩm đã tiếp nhận, sản xuất và/hoặc vận chuyển |



Bảng 2 (tiếp theo)

| Nhóm điểm kiểm soát      | Điểm kiểm soát | Mô tả                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
|--------------------------|----------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 3. Vị trí chuỗi cung ứng | 3.1 đến 3.3    | Định danh các bên nội bộ và bên ngoài trong hệ thống dữ liệu gốc                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
|                          | 3.4 đến 3.7    | Định danh các địa điểm nội bộ và bên ngoài trong hệ thống dữ liệu gốc                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
| 4. Xây dựng các thủ tục  | 4.1 đến 4.5    | Các thủ tục đối với thương phẩm có thể truy xuất nguồn gốc và các vật phẩm trung gian được tiếp nhận, sản xuất và phân phối theo định nghĩa về mã số lô/mẻ và/hoặc số xê-ri                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
|                          | 4.6 đến 4.7    | Các thủ tục về việc sắp xếp dữ liệu gốc quan trọng giữa các đối tác thương mại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
|                          | 4.8 đến 4.11   | Các thủ tục hoặc công cụ để thu thập, lưu giữ, chia sẻ và truyền đạt thông tin truy xuất nguồn gốc trong nội bộ và giữa các bên liên quan chính                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
| 5. Dòng vật chất         | 5.1 đến 5.10   | <p>Định danh vật lý và ký hiệu hóa trên mọi mức độ phân cấp của các vật phẩm có thể truy xuất nguồn gốc được tiếp nhận, sản xuất và/hoặc vận chuyển:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- mã số thương phẩm toàn cầu đơn nhất (ví dụ: GTIN/UPC);</li> <li>- mã lô/mẻ sản xuất (bao gói tiêu dùng, thùng, palet);</li> <li>- số xê-ri đơn nhất (chỉ ở cấp độ logistic-palet);</li> <li>- mã định danh đơn nhất đối với chuyển hàng (chỉ với chuyển hàng).</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
|                          | 5.11 đến 5.12  | Lưu đồ về các quá trình chuyển đổi/sản xuất (từ nguyên liệu/bao bì đến thành phẩm) và phản hồi yêu cầu truy xuất ngược giữa các đối tác thương mại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| 6. Yêu cầu về thông tin  | 6.1 đến 6.8    | <p>Thông tin tối thiểu liên quan đến khả năng truy xuất nguồn gốc đối với mọi mức độ phân cấp của vật phẩm có thể truy xuất nguồn gốc được sản xuất, tiếp nhận và/hoặc vận chuyển đến các bên khác:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- mã định danh chuyển hàng (chỉ với chuyển hàng);</li> <li>- mã số đơn vị logistic hoặc SSCC cho các đơn vị logistic;</li> <li>- mã số thương phẩm hoặc GTIN;</li> <li>- mã số lô/mẻ sản xuất (đơn vị tiêu dùng, đơn vị thương mại, thùng hàng, palet);</li> <li>- số xê-ri (đơn vị tiêu dùng, đơn vị thương mại, thùng, palet).</li> </ul> <p>Mỗi vật phẩm có thể truy xuất nguồn gốc được định danh bằng một trong các mã định danh và phần mở rộng của mã định danh liên quan nếu có thể, hoặc có thể được mô tả thêm bằng các thông tin như:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- số lượng;</li> <li>- mã ngày (ví dụ: "ngày sản xuất", "ngày đóng gói", "hạn sử dụng", "hạn sử dụng tốt nhất");</li> <li>- bên tiếp nhận và/hoặc nhà cung cấp vật phẩm có thể truy xuất nguồn gốc;</li> <li>- ngày gửi và thời gian gửi thích hợp.</li> </ul> <p>Đối với mỗi bên, mã định danh hoặc GLN phải hoặc có thể là thông tin liên kết, ví dụ: địa chỉ và/hoặc số điện thoại.</p> |

Bảng 2 (kết thúc)

| Nhóm điểm kiểm soát                       | Điểm kiểm soát | Mô tả                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
|-------------------------------------------|----------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                                           | 6.9 đến 6.10   | Quản lý nội bộ về mối liên kết thông tin truy xuất nguồn gốc (bản điện tử hoặc bản giấy) giữa đầu vào và đầu ra (mọi mức độ phân cấp của các vật phẩm có thể truy xuất nguồn gốc)                                                                                                                      |
|                                           | 6.11 đến 6.13  | Quản lý bên ngoài về các liên kết thông tin truy xuất nguồn gốc (bản điện tử hoặc bản giấy) bao gồm việc chia sẻ thông tin liên quan đến khả năng truy xuất nguồn gốc đối với các vật phẩm có thể truy xuất nguồn gốc                                                                                  |
| 7. Yêu cầu về tài liệu, hồ sơ             | 7.1 đến 7.2    | Tài liệu nêu rõ vai trò, trách nhiệm, cơ cấu tổ chức và các quá trình lưu giữ liên quan đến truy xuất nguồn gốc để hỗ trợ tất cả các hoạt động liên quan đến truy xuất nguồn gốc                                                                                                                       |
|                                           | 7.3 đến 7.5    | Duy trì tài liệu và hồ sơ truy xuất nguồn gốc                                                                                                                                                                                                                                                          |
| 8. Cơ cấu và trách nhiệm                  | 8.1 đến 8.3    | Đội ngũ truy xuất nguồn gốc có kiến thức phù hợp về các thủ tục truy xuất nguồn gốc                                                                                                                                                                                                                    |
| 9. Đào tạo                                | 9.1 đến 9.2    | Chương trình đào tạo và hồ sơ của những người chịu trách nhiệm về các hoạt động truy xuất nguồn gốc                                                                                                                                                                                                    |
| 10. Điều phối chuỗi cung ứng              | 10.1           | Khả năng thu được thông tin truy xuất nguồn gốc từ các đối tác thương mại, bao gồm: <ul style="list-style-type: none"> <li>- mã số thương phẩm (ví dụ: GTIN/UPC);</li> <li>- số lượng;</li> <li>- mã số lô/mẻ và/hoặc số xê-ri;</li> <li>- mã ngày, tháng;</li> <li>- tên cơ sở vận chuyển.</li> </ul> |
|                                           | 10.2 đến 10.6  | Tài liệu về cơ cấu nhóm, trách nhiệm và thủ tục liên quan đến việc giải quyết mối nguy về an toàn tiềm ẩn, bao gồm truyền thông và thông tin liên hệ                                                                                                                                                   |
| 11. Giám sát                              | 11.1 đến 11.2  | Có kế hoạch giám sát và kiểm soát để xem xét hiệu lực của các thủ tục truy xuất nguồn gốc                                                                                                                                                                                                              |
| 12. Đánh giá nội bộ và đánh giá bên ngoài | 12.1 đến 12.2  | Định nghĩa của mọi thương phẩm được sản xuất và tiếp nhận trong các quy định kỹ thuật hoặc tài liệu tương tự khác                                                                                                                                                                                      |
|                                           | 12.3           | Tài liệu về kế hoạch hành động khắc phục để giải quyết các trường hợp không phù hợp về truy xuất nguồn gốc                                                                                                                                                                                             |

## 5 Các điểm kiểm soát và tiêu chí đánh giá tại mỗi điểm kiểm soát

Danh mục các điểm kiểm soát cụ thể và tiêu chí đánh giá tại mỗi điểm kiểm soát được nêu tại Bảng 3. Đối với các điểm kiểm soát bắt buộc, điểm kiểm soát bắt buộc có điều kiện và điểm kiểm soát tùy chọn, có liên kết đến các yêu cầu sản xuất, kinh doanh (BR) và quy tắc sản xuất, kinh doanh (BRU) tương ứng nêu trong Điều 6.

**Bảng 3 – Danh mục các điểm kiểm soát cụ thể và tiêu chí đánh giá**

| Thứ tự    | Điểm kiểm soát                                                                                                                                                                         | Tiêu chí đánh giá                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Mức độ   |
|-----------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| <b>1.</b> | <b>Lựa chọn mục tiêu</b>                                                                                                                                                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |          |
| 1.1       | Nhận thức của tổ chức về các quy định, tiêu chuẩn và hướng dẫn thực hiện truy xuất nguồn gốc áp dụng đối với thương phẩm được tổ chức phân phối/gửi/bán hoặc xuất khẩu (BRU28)         | Ban lãnh đạo và những người có trách nhiệm của tổ chức cần phê duyệt các quy định, tiêu chuẩn và/hoặc hướng dẫn thực hiện truy xuất nguồn gốc đối với thương phẩm được tổ chức phân phối/gửi/bán hoặc xuất khẩu.                                                                                                                                                      | Bắt buộc |
| 1.2       | Nhận thức của tổ chức về tất cả các yêu cầu truy xuất nguồn gốc của khách hàng đối với thương phẩm của tổ chức (BRU28)                                                                 | Tổ chức cần có hệ thống để đảm bảo theo dõi cập nhật về các yêu cầu truy xuất nguồn gốc của khách hàng đối với thương phẩm của tổ chức.                                                                                                                                                                                                                               | Bắt buộc |
| 1.3       | Tài liệu (bản giấy/bản điện tử) xác định mục tiêu, phương pháp luận và phạm vi của hệ thống truy xuất nguồn gốc của tổ chức, và có người được chỉ định chịu trách nhiệm về hệ thống đó | Tổ chức phải có tài liệu thích hợp:<br>a) Mô tả phạm vi, mục tiêu và các bước liên quan trong hệ thống truy xuất nguồn gốc (kế hoạch truy xuất nguồn gốc);<br>b) Mô tả việc quản lý các liên kết trong hệ thống truy xuất nguồn gốc;<br>c) Mô tả trách nhiệm quản lý và nhân sự trong phạm vi của hệ thống truy xuất nguồn gốc.<br><br>Không trả lời "không áp dụng". | Bắt buộc |
| 1.4       | Nhận thức của đội ngũ quản lý về các mục tiêu và phạm vi của hệ thống truy xuất nguồn gốc của tổ chức                                                                                  | Đội ngũ quản lý thể hiện năng lực trong việc giải thích phạm vi và mục tiêu của hệ thống truy xuất nguồn gốc của tổ chức.<br><br>Các tài liệu bao gồm phạm vi và mục tiêu xác định của hệ thống truy xuất nguồn gốc đã được cấp quản lý ký duyệt.<br><br>Không trả lời "không áp dụng".                                                                               | Bắt buộc |

Bảng 3 (tiếp theo)

| Thứ tự    | Điểm kiểm soát                                                                                                                                                                               | Tiêu chí đánh giá                                                                                                                                                                                                                                                 | Mức độ                     |
|-----------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|
| <b>2.</b> | <b>Định nghĩa sản phẩm</b>                                                                                                                                                                   |                                                                                                                                                                                                                                                                   |                            |
| 2.1       | Mọi thương phẩm mà tổ chức tiếp nhận được định danh bởi một mã định danh đơn nhất và được mô tả trong một hồ sơ dữ liệu gốc cho mỗi mức độ phân cấp sản phẩm cần được truy xuất nguồn gốc    | Tổ chức phải có hồ sơ dữ liệu gốc với mã định danh đơn nhất và phần mô tả của mọi thương phẩm mà tổ chức tiếp nhận và cần được truy xuất nguồn gốc. Điều này áp dụng cho mọi mức độ phân cấp sản phẩm.                                                            | Bắt buộc<br>(có điều kiện) |
| 2.2       | Thương phẩm mà tổ chức tiếp nhận được định danh bằng GTIN và được mô tả trong hồ sơ dữ liệu gốc cho từng mức độ phân cấp sản phẩm cần được truy xuất nguồn gốc (BR3, BR7, BR13, BRU4, BRU16) | Tổ chức cần có hồ sơ dữ liệu gốc sử dụng GDSN với mã GTIN và phần mô tả của mọi thương phẩm mà tổ chức tiếp nhận và cần được truy xuất nguồn gốc. Điều này áp dụng cho mọi mức độ phân cấp sản phẩm.                                                              | Tùy chọn                   |
| 2.3       | Các vật phẩm trung gian quan trọng do tổ chức sản xuất cần truy xuất nguồn gốc phải được định danh bởi một mã định danh đơn nhất và được ghi lại                                             | Tổ chức phải có tài liệu hoặc hồ sơ với mã định danh đơn nhất và phần mô tả đối với vật phẩm trung gian quan trọng do tổ chức sản xuất và cần truy xuất nguồn gốc.                                                                                                | Bắt buộc<br>(có điều kiện) |
| 2.4       | Mọi thương phẩm do tổ chức gửi đi được định danh bằng GTIN và được mô tả trong hồ sơ dữ liệu gốc cho từng mức độ phân cấp sản phẩm cần truy xuất nguồn gốc (BR3, BR7, BR 13, BRU4, BRU16)    | Tổ chức phải có hồ sơ dữ liệu gốc với GTIN và phần mô tả về mọi thương phẩm do tổ chức phân phối, ở mọi mức độ phân cấp sản phẩm cần truy xuất nguồn gốc.                                                                                                         | Bắt buộc<br>(có điều kiện) |
| 2.5       | Mọi tài sản cần truy xuất nguồn gốc được định danh trong hồ sơ dữ liệu gốc bằng GRAI và/hoặc GIAI (BR4)                                                                                      | Tổ chức cần có hồ sơ dữ liệu gốc với mã định danh GS1 cho mọi tài sản cần truy xuất nguồn gốc (GRAI hoặc GIAI).                                                                                                                                                   | Tùy chọn                   |
| <b>3.</b> | <b>Vị trí chuỗi cung ứng</b>                                                                                                                                                                 |                                                                                                                                                                                                                                                                   |                            |
| 3.1       | Tất cả nhân sự có liên quan trực tiếp trong tổ chức (khu vực sản xuất và phân phối) được công nhận và định danh bằng phần mô tả và mã định danh trong hồ sơ dữ liệu gốc                      | Tổ chức cần có hồ sơ dữ liệu gốc với phần mô tả và mã định danh cho mọi nhân viên tham gia vào chuỗi sản xuất và phân phối. Phần mô tả ít nhất phải bao gồm:<br>- tên;<br>- mã định danh (hoặc thẻ tên);<br>- vị trí công việc.<br>Không trả lời "không áp dụng". | Khuyến nghị                |

Bảng 3 (tiếp theo)

| Thứ tự | Điểm kiểm soát                                                                                                                                                                                          | Tiêu chí đánh giá                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Mức độ                     |
|--------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|
| 3.2    | Mọi đối tác thương mại được ấn định mã định danh và có phần mô tả trong hồ sơ dữ liệu gốc                                                                                                               | Tổ chức phải có hồ sơ dữ liệu gốc của mọi đối tác thương mại với phần mô tả và mã định danh. Phần mô tả ít nhất phải bao gồm <sup>a)</sup> :<br>- tên tổ chức;<br>- địa chỉ.<br>Không trả lời "không áp dụng".                                                                                                                                                                                                          | Bắt buộc                   |
| 3.3    | Mọi đối tác thương mại được ấn định GLN và có phần mô tả trong hồ sơ dữ liệu gốc (BR2, BRU4, BRU12)                                                                                                     | Tổ chức cần có hồ sơ dữ liệu gốc của mọi đối tác thương mại với phần mô tả và GLN. Phần mô tả ít nhất phải bao gồm <sup>a)</sup> :<br>- tên tổ chức;<br>- địa chỉ.<br>Không trả lời "không áp dụng".                                                                                                                                                                                                                    | Tùy chọn                   |
| 3.4    | Mọi địa điểm nội bộ cần truy xuất nguồn gốc được định danh bằng mã định danh và có phần mô tả trong hồ sơ dữ liệu gốc (BR1, BRU4)                                                                       | Mọi địa điểm nội bộ cần được truy xuất nguồn gốc của tổ chức (ví dụ: địa điểm làm việc, dây chuyền sản xuất, địa điểm kho bãi) phải có hồ sơ dữ liệu gốc với mã định danh và phần mô tả                                                                                                                                                                                                                                 | Bắt buộc<br>(có điều kiện) |
| 3.5    | Mọi địa điểm nội bộ cần phù hợp với các đối tác thương mại, được định danh bằng GLN và có phần mô tả trong hồ sơ dữ liệu gốc (BR1, BR2, BRU4)                                                           | Mọi địa điểm nội bộ của tổ chức cần kết nối với các đối tác thương mại (ví dụ: trung tâm phân phối, điểm tiếp nhận, điểm phân phối, cơ sở sản xuất, trang trại) phải có hồ sơ dữ liệu gốc với GLN và phần mô tả. Mỗi tổ chức cần định danh ở mức độ tối thiểu về địa điểm của pháp nhân của mình.<br>Phần mô tả ít nhất phải bao gồm <sup>b)</sup> :<br>- tên địa điểm;<br>- địa chỉ.<br>Không trả lời "không áp dụng". | Bắt buộc                   |
| 3.6    | Mọi địa điểm bên ngoài (ví dụ: kho lưu trữ, trung tâm phân phối, đối tác thương mại) cần truy xuất nguồn gốc được định danh bằng mã định danh và có phần mô tả trong hồ sơ dữ liệu gốc (BR1, BR2, BRU4) | Mọi địa điểm của đối tác thương mại cần được truy xuất nguồn gốc (ví dụ: kho lưu trữ, trung tâm phân phối) phải có hồ sơ dữ liệu gốc với mã định danh và phần mô tả. Địa điểm đó phải là thực thể có tư cách pháp nhân hoặc thực thể vật lý tham gia vào chuỗi cung ứng.<br>Phần mô tả ít nhất phải bao gồm <sup>b)</sup> :<br>- tên địa điểm;<br>- địa chỉ.                                                            | Bắt buộc<br>(có điều kiện) |

<sup>a)</sup> Đối với một số thị trường như Hoa Kỳ, phần mô tả còn phải bao gồm thông tin về người liên hệ, số điện thoại, fax, email.

<sup>b)</sup> Đối với một số thị trường như Hoa Kỳ, phần mô tả còn phải bao gồm số điện thoại, fax, email.

Bảng 3 (tiếp theo)

| Thứ tự | Điểm kiểm soát                                                                                                                                                                     | Tiêu chí đánh giá                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Mức độ                     |
|--------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|
| 3.7    | Mọi địa điểm bên ngoài (ví dụ: kho lưu trữ, trung tâm phân phối, đối tác thương mại) cần được truy xuất nguồn gốc được định danh bằng GLN và có phần mô tả trong hồ sơ dữ liệu gốc | Mọi địa điểm của đối tác thương mại cần được truy xuất nguồn gốc phải có hồ sơ dữ liệu gốc với GLN và phần mô tả. Địa điểm đó phải là thực thể có tư cách pháp nhân hoặc thực thể vật lý tham gia vào chuỗi cung ứng.<br>Phần mô tả ít nhất phải bao gồm <sup>b)</sup> :<br>- tên địa điểm;<br>- địa chỉ.                                                                                                                                                                                             | Tùy chọn                   |
| 4.     | <b>Xây dựng các thủ tục</b>                                                                                                                                                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |                            |
| 4.1    | Có thủ tục được xác định để mô tả và ghi lại các thương phẩm có thể truy xuất nguồn gốc được tổ chức tiếp nhận, sản xuất và gửi đi                                                 | Tổ chức phải có thủ tục dạng văn bản mô tả chi tiết từng thương phẩm có thể truy xuất nguồn gốc được tổ chức tiếp nhận, sản xuất và gửi đi.<br>Tài liệu phải bao gồm:<br>- số hiệu tài liệu đối với mã số hoặc ID của thủ tục;<br>- tên sản phẩm;<br>- thành phần;<br>- số lượng;<br>- bao bì;<br>- phương thức phân phối.<br>Tiêu chuẩn này mô tả mọi quá trình nội bộ và giúp xác định các sự kiện theo đối trọng yếu (CTE) và phần tử dữ liệu chính (KDE) đối với các sự kiện truy xuất nguồn gốc. | Bắt buộc<br>(có điều kiện) |
| 4.2    | Có thủ tục dạng văn bản nêu chi tiết định nghĩa về lô/mẻ sản xuất và/hoặc số xê-ri của từng thương phẩm do tổ chức tạo ra                                                          | Tổ chức phải có thủ tục dạng văn bản mô tả chi tiết định nghĩa về lô/mẻ sản xuất và/hoặc số xê-ri của từng thương phẩm do tổ chức tạo ra.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Bắt buộc<br>(có điều kiện) |
| 4.3    | Có thủ tục để xem xét việc lập mã vạch và ấn định mã số tuân thủ tiêu chuẩn GS1 hoặc tiêu chuẩn tương đương (BR11, BR13)                                                           | Tổ chức phải có thủ tục dạng văn bản để chứng minh sự tuân thủ tiêu chuẩn GS1 hoặc tiêu chuẩn tương đương về chất lượng mã vạch, cấp mã số và duy trì ấn định GTIN cho mọi thương phẩm mà tổ chức phân phối.                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Bắt buộc<br>(có điều kiện) |
| 4.4    | Có thủ tục để mô tả và ghi lại các vật phẩm trung gian quan trọng có thể truy xuất nguồn gốc do tổ chức sản xuất                                                                   | Tổ chức cần có thủ tục dạng văn bản mô tả chi tiết các vật phẩm trung gian có thể truy xuất nguồn gốc do tổ chức sản xuất. Tài liệu phải bao gồm:<br>- số hiệu tài liệu đối với mã số hoặc ID của thủ tục;<br>- tên sản phẩm;<br>- thành phần;<br>- số lượng;<br>- bao bì;<br>- phương thức phân phối                                                                                                                                                                                                 | Khuyến nghị                |

<sup>b)</sup> Đối với một số thị trường như Hoa Kỳ, phần mô tả còn phải bao gồm số điện thoại, fax, email.



Bảng 3 (tiếp theo)

| Thứ tự | Điểm kiểm soát                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Tiêu chí đánh giá                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Mức độ                  |
|--------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|
| 4.5    | Tổ chức có thủ tục về lô/mẻ sản xuất và/hoặc số xê-ri của mỗi vật phẩm trung gian đã kiểm kê và/hoặc vật phẩm được làm lại cần được truy xuất nguồn gốc                                                                                                                                                                            | Tổ chức cần có thủ tục dạng văn bản về lô/mẻ sản xuất và/hoặc số xê-ri của mỗi vật phẩm trung gian đã kiểm kê cần được truy xuất nguồn gốc.                                                                                                                                                                   | Khuyến nghị             |
| 4.5a   | Tổ chức có thủ tục để mô tả việc tính toán cân bằng khối lượng cho các quá trình sản xuất                                                                                                                                                                                                                                          | Tổ chức phải có thủ tục dạng văn bản đối với mọi quá trình sản xuất, trong đó:<br>– ghi lại đầu vào và đầu ra của từng quá trình sản xuất;<br>– mô tả cách tính sản lượng mục tiêu và tần suất xem xét nội dung này.                                                                                          | Bắt buộc (có điều kiện) |
| 4.6    | Tổ chức phải có thủ tục điều chỉnh dữ liệu gốc để truy xuất nguồn gốc với các đối tác thương mại của mình (BR12, BR19)                                                                                                                                                                                                             | Tổ chức phải có thủ tục dạng văn bản mô tả chi tiết cách điều chỉnh dữ liệu gốc quan trọng để truy xuất nguồn gốc với các đối tác thương mại.<br>Dữ liệu gốc phải bao gồm:<br>– các bên;<br>– địa điểm vật lý;<br>– tài sản;<br>– thương phẩm có thể truy xuất nguồn gốc.<br>Không trả lời "không áp dụng".   | Bắt buộc                |
| 4.7    | Tổ chức có thủ tục đồng bộ hóa hiệu quả với các đối tác thương mại của mình, sử dụng GDSN (BR12, BR19)                                                                                                                                                                                                                             | Tổ chức cần có thủ tục có hiệu lực để đồng bộ hóa dữ liệu gốc bằng GDSN với các đối tác thương mại, thủ tục này phải được lập thành văn bản chi tiết.<br>Dữ liệu gốc được đồng bộ hóa phải bao gồm:<br>– các bên;<br>– địa điểm vật lý;<br>– tài sản;<br>– thương phẩm có thể truy xuất nguồn gốc.            | Tùy chọn                |
| 4.8    | Có thủ tục hoặc cơ chế xác định (bản giấy hoặc bản điện tử) ở mỗi giai đoạn của thủ tục truy xuất nguồn gốc để thu thập dữ liệu chính xác và kịp thời, lưu giữ và chia sẻ thông tin giữa các đối tác thương mại và xác định người chịu trách nhiệm về thông tin được ghi lại (BR11, BR13, BR14, BRU4, BRU10, BRU11, BRU 18, BRU22) | Tổ chức phải có các biểu mẫu bản giấy hoặc bản điện tử và/hoặc thủ tục nêu chi tiết về cơ chế thu thập, lưu giữ và chia sẻ thông tin truy xuất nguồn gốc ở từng giai đoạn của dòng truy xuất nguồn gốc, xác định từng người chịu trách nhiệm về thông tin được lưu giữ.<br><br>Không trả lời "không áp dụng". | Bắt buộc                |

Bảng 3 (tiếp theo)

| Thứ tự | Điểm kiểm soát                                                                                                                                                                                                                        | Tiêu chí đánh giá                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Mức độ                     |
|--------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|
| 4.9    | Thủ tục yêu cầu truy xuất ngược nội bộ và bên ngoài (BR17, BR18)                                                                                                                                                                      | <p>Tổ chức phải có thủ tục dạng văn bản xác định quy trình yêu cầu thông tin truy xuất nguồn gốc trong trường hợp có sự cố. Thủ tục đó cần yêu cầu duy trì các hồ sơ sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- danh sách các đối tác nội bộ và bên ngoài;</li> <li>- xác định các nhân sự chủ chốt để quản lý sự cố (ví dụ: thu hồi) với trách nhiệm cụ thể;</li> <li>- kế hoạch trao đổi thông tin với yêu cầu truy xuất ngược nội bộ và bên ngoài;</li> <li>- các thuộc tính sản phẩm chính như mã định danh sản phẩm, số lô/mẻ và/hoặc số xê-ri, số lượng, thành phần;</li> <li>- loại vật liệu, lô/mẻ/ngày sản xuất;</li> <li>- định danh địa điểm (hoặc thuộc tính địa điểm) trong tổ chức và giữa các đối tác thương mại;</li> <li>- danh sách tài liệu cần được cung cấp cho các bên nội bộ và bên ngoài.</li> </ul> | Bắt buộc                   |
| 4.10   | Thủ tục để trao đổi thông tin với các bên nội bộ và bên ngoài trong trường hợp phải thu hồi sản phẩm hoặc xảy ra sự cố an toàn thực phẩm (BRU24, BRU26, BRU28)                                                                        | <p>Tổ chức phải có thủ tục dạng văn bản mô tả chính xác cách giao tiếp với các bên liên quan chính trong trường hợp thu hồi. Ví dụ về các bên liên quan:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- nhóm chất lượng và an toàn (nội bộ);</li> <li>- giám đốc sản xuất (nội bộ);</li> <li>- chủ sở hữu thương hiệu;</li> <li>- các nhà cung cấp;</li> <li>- nhà sản xuất;</li> <li>- phòng thí nghiệm chuyên dụng;</li> <li>- cơ quan quản lý;</li> <li>- chuyên môn pháp lý;</li> <li>- nhóm giám sát thị trường và người tiêu dùng.</li> </ul> <p>Không trả lời "không áp dụng".</p>                                                                                                                                                                                                                                             | Bắt buộc                   |
| 4.11   | Thủ tục hoặc quá trình xác định để lưu trữ nhiều mẫu vật phẩm có thể truy xuất nguồn gốc đại diện cho lô/mẻ sản xuất và được lưu giữ cho đến khi hết hạn sử dụng và, nếu cần, trong một khoảng thời gian xác định sau hạn sử dụng này | Nếu khách hàng yêu cầu, các mẫu đại diện được định danh về số mẻ hoặc lô sản xuất phải được đóng dấu hạn sử dụng, được bảo quản phù hợp cho đến khi hết hạn sử dụng của thành phẩm và trong một khoảng thời gian xác định sau hạn sử dụng này, nếu cần.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Bắt buộc<br>(có điều kiện) |
| 5.     | <b>Dòng vật chất</b>                                                                                                                                                                                                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |                            |
| 5.1    | Các chuyển hàng do tổ chức tiếp nhận cần được truy xuất nguồn gốc được định danh vật lý bằng mã định danh (BR6, BR7, BRU4)                                                                                                            | Các chuyển hàng do tổ chức tiếp nhận phải có mã định danh trên vật phẩm hoặc nếu không thì tối thiểu có trên tài sản chứa vật phẩm hoặc trong tài liệu kèm theo.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Bắt buộc<br>(có điều kiện) |



Bảng 3 (tiếp theo)

| Thứ tự | Điểm kiểm soát                                                                                                                                                    | Tiêu chí đánh giá                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Mức độ                     |
|--------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|
| 5.2    | Các chuyển hàng do tổ chức tiếp nhận được định danh bằng mã số toàn cầu định danh chuyển hàng (GSIN AI 402) (BR6, BR7, BRU4)                                      | Các chuyển hàng do tổ chức tiếp nhận cần có mã định danh chuẩn trên vật phẩm hoặc nếu không thì tối thiểu có trên tài sản chứa vật phẩm hoặc trong tài liệu kèm theo.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Tùy chọn                   |
| 5.3    | Các đơn vị logistic do tổ chức tiếp nhận được định danh vật lý bằng mã định danh (BRU4)                                                                           | Các đơn vị logistic do tổ chức tiếp nhận phải có mã định danh trên vật phẩm hoặc nếu không thì tối thiểu có trên tài sản chứa vật phẩm hoặc trong tài liệu kèm theo.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Bắt buộc<br>(có điều kiện) |
| 5.4    | Các đơn vị logistic do tổ chức tiếp nhận được định danh vật lý bằng SSCC và vật mang dữ liệu GS1 (mã vạch GS1-128 hoặc thẻ EPC) (BR3, BR6, BR7, BR11, BR12, BRU4) | Các đơn vị logistic do tổ chức tiếp nhận cần có SSCC và mã vạch GS1-128 hoặc thẻ EPC/RFID trên bao bì/bao bì bên ngoài hoặc tối thiểu có trên tài sản chứa vật phẩm hoặc trong tài liệu kèm theo.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Tùy chọn                   |
| 5.5    | Các thương phẩm do tổ chức tiếp nhận cần truy xuất nguồn gốc được định danh vật lý bằng GTIN và vật mang dữ liệu GS1 (BR3, BR6, BR7, BR11, BRU4)                  | <p>Các thương phẩm do tổ chức tiếp nhận cần có GTIN và vật mang dữ liệu GS1 trên bao bì hoặc tối thiểu có trên tài sản chứa sản phẩm hoặc trong tài liệu kèm theo.</p> <p>CHÚ THÍCH: Các tiêu chuẩn GS1 tương ứng cho vật mang dữ liệu là:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Đối với thương phẩm qua điểm bán (đơn vị tiêu dùng): EAN-13, EAN-8, UPC-A, UPC-E, GS1 DataBar, GS1 DataMatrix, GS1 QR Code;</li> <li>– Đối với thương phẩm không qua điểm bán (nhóm thương phẩm): EAN-13, ITF-14, GS1-128, GS1 DataMatrix, GS1 DataBar, thẻ EPC/RFID.</li> </ul> | Tùy chọn                   |
| 5.6    | Vật phẩm trung gian (được tiếp nhận và/hoặc phân phối) được tổ chức định danh vật lý bằng mã định danh và/hoặc số lô/mẻ sản xuất hoặc số xê-ri                    | Mọi vật phẩm trung gian được kiểm kê phải có mã định danh và/hoặc số lô/mẻ sản xuất hoặc số xê-ri trên bao bì hoặc nếu không thì tối thiểu có trên tài sản chứa sản phẩm hoặc trong tài liệu kèm theo.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Bắt buộc<br>(có điều kiện) |
| 5.7    | Các chuyển hàng do tổ chức gửi đi cần truy xuất nguồn gốc được định danh vật lý bằng mã GSIN AI 402 (BR3, BR6, BR7, BRU4)                                         | Các chuyển hàng do tổ chức gửi đi phải có GSIN với mã vạch GS1-128, GS1 DataMatrix, GS1 QR Code trên chuyển hàng hoặc tối thiểu có trên tài sản chứa sản phẩm hoặc trong tài liệu kèm theo.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Bắt buộc<br>(có điều kiện) |
| 5.8    | Các đơn vị logistic do tổ chức gửi đi được định danh vật lý bằng SSCC và vật mang dữ liệu GS1 (mã vạch GS1-128 hoặc thẻ EPC) (BR6, BR7, BR11, BRU4)               | Các đơn vị logistic do tổ chức gửi đi phải có SSCC và mã vạch GS1-128 hoặc thẻ EPC/RFID được gắn với vật phẩm/bao bì hoặc tối thiểu có trên tài sản chứa sản phẩm hoặc trong tài liệu kèm theo.<br>Không trả lời "không áp dụng"                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Bắt buộc                   |

**Bảng 3 (tiếp theo)**

| Thứ tự    | Điểm kiểm soát                                                                                                                                                             | Tiêu chí đánh giá                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Mức độ                     |
|-----------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|
| 5.9       | Các thương phẩm do tổ chức gửi đi được định danh vật lý bằng GTIN và vật mang dữ liệu GS1 (BR3, BR6, BR7, BR11)                                                            | Các thương phẩm do tổ chức gửi đi phải có GTIN với vật mang dữ liệu GS1 được đính kèm trên bao bì hoặc tối thiểu có trên tài sản chứa sản phẩm hoặc trong tài liệu kèm theo.<br>Không trả lời "không áp dụng"                                                                                                                                                                                                   | Bắt buộc                   |
| 5.10      | Các thương phẩm do tổ chức gửi đi được định danh với số lô/mẻ sản xuất hoặc số xê-ri hoặc SGTIN (BR6, BRU4)                                                                | Các thương phẩm do tổ chức phân phối phải được xác định bằng số lô/mẻ sản xuất, số xê-ri hoặc SGTIN trên bao bì hoặc trên tài sản chứa sản phẩm hoặc trong tài liệu kèm theo.                                                                                                                                                                                                                                   | Bắt buộc<br>(có điều kiện) |
| 5.11      | Sơ đồ liên kết truy xuất nguồn gốc phản ánh hoạt động sản xuất của tổ chức từ nguyên liệu, vật liệu, bao bì thô đến khi thương phẩm được giao cho khách hàng (BRU4, BRU21) | Tổ chức phải có chương trình và lưu đồ mang tính hệ thống về các quá trình liên quan đến sản xuất thương phẩm, từ điểm cung cấp nguyên vật liệu, bao gói, sản phẩm đến nơi thương phẩm được giao cho khách hàng                                                                                                                                                                                                 | Bắt buộc                   |
| 5.12      | Có lưu đồ quá trình minh họa quá trình yêu cầu truy xuất ngược nội bộ                                                                                                      | Tổ chức phải có chương trình và lưu đồ có tính hệ thống để liên kết các quá trình yêu cầu truy xuất ngược luồng sản xuất của tổ chức đối với các thương phẩm và/hoặc sản phẩm không phù hợp.                                                                                                                                                                                                                    | Bắt buộc                   |
| <b>6.</b> | <b>Yêu cầu về thông tin</b>                                                                                                                                                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |                            |
| 6.1       | Thông tin của chuyển hàng và đơn vị logistic mà tổ chức tiếp nhận và cần truy xuất nguồn gốc được mô tả trong hồ sơ (BR6, BR13, BRU4, BRU18)                               | Tổ chức phải có bản đăng ký với phần mô tả trong một hoặc nhiều hệ thống (bản giấy hoặc bản điện tử) đối với mỗi chuyển hàng có thể truy xuất nguồn gốc và đơn vị logistic mà tổ chức tiếp nhận. Phần mô tả ít nhất phải bao gồm:<br>- mã định danh chuyển hàng (với chuyển hàng);<br>- mã số đơn vị logistic (cho các đơn vị logistic);<br>- mã định danh nhà cung cấp (GLN nếu sử dụng);<br>- ngày tiếp nhận. | Bắt buộc<br>(có điều kiện) |
| 6.2       | Thông tin về mọi chuyển hàng và đơn vị logistic đơn nhất toàn cầu do tổ chức tiếp nhận và cần được truy xuất nguồn gốc được mô tả trong hồ sơ (BR3, BR6, BRU4)             | Tổ chức cần có bản đăng ký có phần mô tả trong một hoặc nhiều hệ thống (bản giấy hoặc bản điện tử) đối với mỗi chuyển hàng và đơn vị logistic đơn nhất toàn cầu mà tổ chức tiếp nhận. Phần mô tả ít nhất phải bao gồm:<br>- mã định danh chuyển hàng với AI 402 (với chuyển hàng);<br>- SSCC (với đơn vị logistic);<br>- mã định danh nhà cung cấp (GLN nếu sử dụng);<br>- ngày tiếp nhận.                      | Tùy chọn                   |

Bảng 3 (tiếp theo)

| Thứ tự | Điểm kiểm soát                                                                                                                                                            | Tiêu chí đánh giá                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Mức độ                     |
|--------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|
| 6.3    | Thông tin giao hàng của mọi thương phẩm có thể truy xuất nguồn gốc mà tổ chức tiếp nhận được mô tả trong hồ sơ (BR13, BRU3, BRU4, BRU22)                                  | Tổ chức phải có biên bản giao hàng của thương phẩm đã tiếp nhận, gồm các thông tin sau <sup>c)</sup> : <ul style="list-style-type: none"> <li>- mã định danh thương phẩm (GTIN nếu sử dụng);</li> <li>- số lô/mẻ và/hoặc số xê-ri (nếu sử dụng);</li> <li>- số lượng;</li> <li>- mã số nhà cung cấp (GLN nếu sử dụng);</li> <li>- vận bản về việc gửi hàng;</li> <li>- ngày tiếp nhận.</li> </ul>                                                                                          | Bắt buộc<br>(có điều kiện) |
| 6.4    | Sẵn có thông tin để xác định mã định danh lô/mẻ và/hoặc số xê-ri của thương phẩm đã được gửi đi hay vẫn còn trong phạm vi lân cận tổ chức (BR14, BRU3, BRU4, BRU7, BRU18) | Tổ chức phải có bản đăng ký ghi lại số lô/mẻ và/hoặc số xê-ri của thương phẩm đã được gửi đi hay vẫn nằm trong phạm vi lân cận tổ chức.<br><br>Bản đăng ký này giúp tổ chức định danh địa điểm ngay lập tức của thương phẩm đó trong trường hợp cần thu hồi.<br><br>Không trả lời "không áp dụng"                                                                                                                                                                                          | Bắt buộc                   |
| 6.5    | Thông tin về mọi chuyển hàng và đơn vị logistic do tổ chức gửi đi và cần được truy xuất nguồn gốc được mô tả trong hồ sơ (BR6, BR13, BRU4, BRU18)                         | Tổ chức phải có hồ sơ mô tả trong một hoặc nhiều hệ thống (bản giấy hoặc bản điện tử) về mỗi chuyển hàng có thể truy xuất nguồn gốc và đơn vị logistic do tổ chức cung cấp. Phần mô tả ít nhất phải bao gồm: <ul style="list-style-type: none"> <li>- mã định danh chuyển hàng (với chuyển hàng);</li> <li>- mã số đơn vị logistic (với các đơn vị logistic);</li> <li>- số lô/mẻ và/hoặc số xê-ri;</li> <li>- mã định danh bên nhận (GLN nếu sử dụng);</li> <li>- ngày gửi đi.</li> </ul> | Bắt buộc<br>(có điều kiện) |
| 6.6    | Thông tin về mọi chuyển hàng và đơn vị logistic đơn nhất toàn cầu do tổ chức gửi đi và cần được truy xuất nguồn gốc được mô tả trong hồ sơ (BR3, BR6, BRU4)               | Tổ chức phải có hồ sơ mô tả trong một hoặc nhiều hệ thống (bản giấy hoặc bản điện tử) về mỗi chuyển hàng và đơn vị logistic đơn nhất toàn cầu do tổ chức phân phối. Phần mô tả ít nhất bao gồm: <ul style="list-style-type: none"> <li>- mã định danh toàn cầu chuyển hàng với AI 402 (với chuyển hàng);</li> <li>- SSCC;</li> <li>- mã định danh bên nhận (GLN nếu sử dụng);</li> <li>- ngày gửi đi.</li> </ul> Không trả lời "không áp dụng"                                             | Bắt buộc                   |

<sup>c)</sup> Đối với một số thị trường như Hoa Kỳ, phần mô tả còn phải bao gồm mã số nhà nhập khẩu (đối với hàng nhập khẩu, GLN nếu sử dụng), thông tin bên vận chuyển [(GLN nếu sử dụng), địa chỉ, số điện thoại, số fax và địa chỉ email (nếu có)].

Bảng 3 (tiếp theo)

| Thứ tự | Điểm kiểm soát                                                                                                                                          | Tiêu chí đánh giá                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Mức độ                     |
|--------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|
| 6.7    | Thông tin về mọi thương phẩm có thể truy xuất nguồn gốc được tổ chức gửi đi được mô tả trong hồ sơ (BR13, BRU3, BRU4, BRU23)                            | Tổ chức phải có hồ sơ với mã định danh thương phẩm có thể truy xuất nguồn gốc, gồm các thông tin sau <sup>d)</sup> : <ul style="list-style-type: none"> <li>- mã định danh thương phẩm (GTIN nếu sử dụng);</li> <li>- số lô/mẻ và/hoặc số xê-ri (nếu sử dụng);</li> <li>- số lượng;</li> <li>- khách hàng tiềm năng (GLN nếu sử dụng);</li> <li>- bên tiếp nhận tiềm năng (GLN nếu sử dụng);</li> <li>- văn bản về việc gửi hàng;</li> <li>- ngày gửi hàng.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Bắt buộc<br>(có điều kiện) |
| 6.8    | Thông tin về mọi thương phẩm đơn nhất toàn cầu được tổ chức gửi đi và cần được truy xuất nguồn gốc được mô tả trong hồ sơ (BR3, BR6, BR13, BRU4, BRU18) | Tổ chức phải có hồ sơ mô tả trong một hoặc nhiều hệ thống (bản giấy hoặc bản điện tử) về mỗi thương phẩm có thể truy xuất nguồn gốc đơn nhất toàn cầu do tổ chức gửi đi. Phần mô tả ít nhất phải bao gồm <sup>e)</sup> : <ul style="list-style-type: none"> <li>- GTIN (đối với thương phẩm qua điểm bán hàng);</li> <li>- số lô/mẻ và/hoặc số xê-ri;</li> <li>- số lượng;</li> <li>- khách hàng tiềm năng (GLN nếu sử dụng);</li> <li>- thông tin bên tiếp nhận (GLN nếu sử dụng);</li> <li>- văn bản về việc gửi hàng;</li> <li>- ngày gửi hàng.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                       | Bắt buộc                   |
| 6.9    | Có thể liên kết thông tin của đầu vào với đầu ra (một với nhiều, nhiều với một, nhiều với nhiều) ở mọi mức phân cấp (BR13, BR14, BRU4, BRU6, BRU18)     | Tổ chức có khả năng liên kết thông tin của đầu vào và đầu ra sau đây thông qua tài liệu: <ul style="list-style-type: none"> <li>- thông tin về mỗi đơn vị logistic (ví dụ: số palet, mã định danh nhà cung cấp) nhận được liên kết với số lô/mẻ và/hoặc số xê-ri của thương phẩm;</li> <li>- thông tin về mỗi lô/mẻ sản xuất hoặc số xê-ri của thương phẩm (ví dụ: mã sản phẩm, hạn sử dụng) liên kết với việc chuyển đổi thương phẩm (ví dụ: ngày, giờ sản xuất);</li> <li>- thông tin về mỗi lô/mẻ và/hoặc số xê-ri của thương phẩm nhận được (ví dụ: mã số thùng) được liên kết với các đơn vị logistic (ví dụ: mã số palet), chuyển hàng (ví dụ: mã định danh chuyển hàng) và lô/mẻ và/hoặc số xê-ri của thương phẩm được phân phối (ví dụ: mã số sản phẩm, ngày gửi, tên địa điểm);</li> </ul> | Bắt buộc<br>(có điều kiện) |

<sup>d)</sup> Đối với một số thị trường như Hoa Kỳ, phần mô tả còn phải bao gồm mã số nhà nhập khẩu (đối với hàng nhập khẩu, GLN nếu sử dụng), thông tin bên vận chuyển [(GLN nếu sử dụng), địa chỉ, số điện thoại, số fax và địa chỉ email (nếu có)].

<sup>e)</sup> Đối với một số thị trường như Hoa Kỳ, phần mô tả còn phải bao gồm thông tin bên vận chuyển [(GLN nếu sử dụng), địa chỉ, số điện thoại, số fax và địa chỉ email (nếu có)].

Bảng 3 (tiếp theo)

| Thứ tự | Điểm kiểm soát                                                                                                                                                                                                                          | Tiêu chí đánh giá                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Mức độ                     |
|--------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|
|        |                                                                                                                                                                                                                                         | <ul style="list-style-type: none"> <li>thông tin về từng lô/mẻ và/hoặc số xê-ri của thương phẩm được gửi đi được liên kết với các đơn vị logistic và chuyển hàng đang được giao.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |                            |
| 6.10   | Có thể liên kết thông tin về các đơn vị logistic và số lô/mẻ và/hoặc số xê-ri của thương phẩm trong tổ chức, sử dụng mã định danh đơn nhất toàn cầu (BR14, BRU4, BRU6, BRU18)                                                           | <p>Tổ chức có khả năng liên kết thông tin các đầu ra, sử dụng các mã định danh đơn nhất toàn cầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>đối với mỗi đơn vị logistic do tổ chức phân phối, SSCC của đơn vị đó được liên kết với GTIN và số lô/mẻ sản xuất hoặc số xê-ri của thương phẩm;</li> <li>đối với mỗi thương phẩm được phân phối, GTIN và số lô/mẻ và/hoặc số xê-ri của thương phẩm được liên kết với SSCC của đơn vị logistic liên quan.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                     | Bắt buộc<br>(có điều kiện) |
| 6.11   | Có thể liên kết thông tin của từng lô/mẻ thương phẩm đã gửi hoặc số xê-ri và đơn vị logistic với khách hàng/điểm đến, sử dụng tài liệu có sẵn (BR14, BRU4, BRU6, BRU18)                                                                 | Tổ chức có khả năng liên kết thông tin về từng lô/mẻ và/hoặc số xê-ri thương phẩm đã gửi với mã khách hàng, điểm đến và ngày gửi (ví dụ: dạng số hoặc file điện tử theo dõi và/hoặc phần mềm theo dõi)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Bắt buộc<br>(có điều kiện) |
| 6.12   | Thông tin truy xuất nguồn gốc chi tiết về các thương phẩm do tổ chức phân phối có thể được chia sẻ với các đối tác thương mại trong trường hợp có yêu cầu truy xuất nguồn gốc hoặc nhu cầu thương mại (BR13, BR15, BRU14, BRU15, BRU17) | <p>Tổ chức phải có sẵn các tài liệu với thông tin truy xuất nguồn gốc có thể được chia sẻ với các đối tác thương mại cho từng số lô/mẻ và/hoặc số xê-ri thương phẩm do tổ chức phân phối<sup>7</sup>:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>mã định danh thương phẩm (GTIN nếu sử dụng);</li> <li>số lượng;</li> <li>ngày gửi hàng;</li> <li>khách hàng tiềm năng mà số lô/mẻ và/hoặc số xê-ri đã được gửi đi (GLN nếu sử dụng);</li> <li>văn bản về việc gửi hàng;</li> <li>thông tin bên tiếp nhận (GLN nếu sử dụng);</li> <li>số lô/mẻ và/hoặc số xê-ri và nhà cung cấp thương phẩm được sử dụng làm đầu vào;</li> <li>ngày nhận lô/mẻ và/hoặc số xê-ri của thương phẩm được sử dụng làm đầu vào.</li> </ul> | Bắt buộc                   |
| 6.13   | Tài liệu điện tử DESADV GS1 được sử dụng để gửi thông tin thương phẩm cho các đối tác thương mại trước khi giao hàng thực (BR13)                                                                                                        | Trước khi chuyển giao một thương phẩm, một tin nhắn điện tử bao gồm thông tin của thương phẩm gửi đi sẽ được gửi cho các đối tác thương mại. Các tiêu chuẩn GS1 tương ứng là EANCOM hoặc GS1 XML.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Tùy chọn                   |

<sup>7</sup> Đối với một số thị trường như Hoa Kỳ, phần mô tả còn phải bao gồm thông tin bên vận chuyển hàng gửi và bên vận chuyển thương phẩm được sử dụng làm đầu vào [(GLN nếu sử dụng), địa chỉ, số điện thoại, số fax và địa chỉ email (nếu có)].

Bảng 3 (tiếp theo)

| Thứ tự    | Điểm kiểm soát                                                                                                                                                                | Tiêu chí đánh giá                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Mức độ      |
|-----------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| <b>7.</b> | <b>Yêu cầu về tài liệu, hồ sơ</b>                                                                                                                                             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |             |
| 7.1       | Tổ chức có hồ sơ nội bộ để xác nhận hiệu lực của mọi giai đoạn quá trình liên quan từ khi thương phẩm được tiếp nhận đến khi thương phẩm được giao cho các đối tác thương mại | Tổ chức phải có hồ sơ và nhật ký để xác nhận hiệu lực của mọi quá trình của tổ chức, từ việc tiếp nhận thương phẩm đến thời điểm thương phẩm được giao cho các đối tác thương mại.<br>Không trả lời "không áp dụng".                                                                                                             | Bắt buộc    |
| 7.2       | Tài liệu mô tả việc quản lý thông tin truy xuất nguồn gốc như cơ cấu tổ chức, trách nhiệm hoạt động và khả năng của hệ thống truy xuất nguồn gốc                              | Tổ chức phải có các tài liệu mô tả cơ cấu tổ chức, trách nhiệm hoạt động và khả năng của hệ thống để truy xuất nguồn gốc như:<br>- cơ cấu tổ chức;<br>- sự phụ thuộc;<br>- vai trò;<br>- nhân sự;<br>- cơ sở hạ tầng;<br>- phương pháp thu thập tài liệu;<br>- phần mềm được sử dụng (nếu có).<br>Không trả lời "không áp dụng". | Bắt buộc    |
| 7.3       | Các tài liệu liên quan đến thông tin truy xuất nguồn gốc của thương phẩm được duy trì cho đến hết vòng đời và được lưu trữ trong thời gian tối thiểu một năm (BR8)            | Mọi hồ sơ phải được lưu giữ trong thời gian tối thiểu là một năm, phù hợp với các quy định, tiêu chuẩn hoặc yêu cầu thương mại được xác định trong các mục tiêu của hệ thống truy xuất nguồn gốc của tổ chức.<br>Không trả lời "không áp dụng".                                                                                  | Bắt buộc    |
| 7.4       | Mọi tài liệu về hệ thống truy xuất nguồn gốc được lưu giữ (ít nhất hàng năm), phản ánh quá trình và thủ tục hiện hành                                                         | Phải có sự thống nhất giữa các quá trình và tài liệu truy xuất nguồn gốc hiện tại. Cần phải xác nhận rằng những gì xảy ra trong dây chuyền sản xuất được phản ánh trong tài liệu về dây chuyền đó.<br>Không trả lời "không áp dụng".                                                                                             | Bắt buộc    |
| 7.5       | Các tài liệu liên quan đến khả năng truy xuất nguồn gốc (dữ liệu truy xuất nguồn gốc) được lưu giữ tại một khu vực/địa điểm giới hạn với sự ủy quyền của người được chỉ định  | Tổ chức cần hoạch định giới hạn truy cập và cấp phép các tài liệu được kiểm soát, nơi tất cả dữ liệu truy xuất nguồn gốc được ghi lại, lưu trữ và/hoặc quản lý.<br>Không trả lời "không áp dụng".                                                                                                                                | Khuyến nghị |
| <b>8.</b> | <b>Cơ cấu và trách nhiệm</b>                                                                                                                                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |             |
| 8.1       | Vai trò và trách nhiệm của nhóm truy xuất nguồn gốc được xác định và lập thành văn bản                                                                                        | Tổ chức phải có nhóm truy xuất nguồn gốc, vai trò và trách nhiệm của nhóm này được xác định và lập thành văn bản.<br>Không trả lời "không áp dụng".                                                                                                                                                                              | Bắt buộc    |



Bảng 3 (tiếp theo)

| Thứ tự | Điểm kiểm soát                                                                                                                                                             | Tiêu chí đánh giá                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Mức độ                     |
|--------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|
| 8.2    | Nhóm truy xuất nguồn gốc có các nguồn lực cần thiết để duy trì hệ thống truy xuất nguồn gốc. Các nguồn lực bao gồm nhân lực, công nghệ thông tin và ngân sách              | Tổ chức phải đảm bảo mối quan hệ trực tiếp giữa nhân sự được giao cho việc truy xuất nguồn gốc, công nghệ được sử dụng và ngân sách được giao cho các hạng mục này.<br><br>Không trả lời "không áp dụng".                                                                                                                                                  | Bắt buộc                   |
| 8.3    | Nhận thức của nhân viên về các thủ tục và hướng dẫn truy xuất nguồn gốc áp dụng cho các chức năng của họ, cách nhận biết và sử dụng                                        | Nhân viên có nhận thức về các thủ tục truy xuất nguồn gốc hiện hành và các hướng dẫn áp dụng cho các chức năng của họ. Họ biết tìm chúng ở đâu, sử dụng khi nào và cách sử dụng chúng.<br><br>Không trả lời "không áp dụng".                                                                                                                               | Bắt buộc                   |
| 9.     | <b>Đào tạo</b>                                                                                                                                                             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |                            |
| 9.1    | Nhân viên của tổ chức được tham gia các khóa đào tạo về hệ thống truy xuất nguồn gốc, các khóa đào tạo này được cập nhật và tiến hành định kỳ                              | Phải có hồ sơ về thời điểm tiến hành các buổi hướng dẫn và/hoặc khóa đào tạo về hệ thống truy xuất nguồn gốc cho nhân viên chịu trách nhiệm về truy xuất nguồn gốc.<br><br>Không trả lời "không áp dụng".                                                                                                                                                  | Bắt buộc                   |
| 9.2    | Nhân sự chịu trách nhiệm về hệ thống truy xuất nguồn gốc của tổ chức, đã được đào tạo về TCVN 12850 và các tiêu chuẩn quốc gia (TCVN) về truy xuất nguồn gốc có liên quan. | Hồ sơ phải chỉ ra rằng nhân viên chịu trách nhiệm hỗ trợ hệ thống truy xuất nguồn gốc của tổ chức cần được đào tạo về TCVN 12850 và các TCVN về truy xuất nguồn gốc có liên quan. Bản sao giấy chứng nhận tham dự hoặc sổ đăng ký tham dự có thể là bằng chứng về việc tham gia đào tạo.<br><br>Không trả lời "không áp dụng".                             | Bắt buộc<br>(có điều kiện) |
| 10.    | <b>Điều phối chuỗi cung ứng</b>                                                                                                                                            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |                            |
| 10.1   | Thông tin truy xuất nguồn gốc của mọi thương phẩm nhận được từ tất cả các đối tác thương mại một cách kịp thời (BR18, BR19, BRU17, BRU 23, BRU 25, BRU26)                  | Từ mỗi đối tác thương mại của một lô/mẻ và/hoặc số xê-ri của thương phẩm có thể truy xuất nguồn gốc, ít nhất có thể có được thông tin truy xuất nguồn gốc sau <sup>9)</sup> :<br><ul style="list-style-type: none"> <li>- mã định danh thương phẩm (GTIN nếu sử dụng);</li> <li>- số lượng;</li> <li>- ngày sản xuất;</li> <li>- ngày gửi hàng.</li> </ul> | Bắt buộc<br>(có điều kiện) |

<sup>9)</sup> Đối với một số thị trường như Hoa Kỳ, phần mô tả còn phải bao gồm thông tin bên vận chuyển [(GLN nếu sử dụng), địa chỉ, số điện thoại, số fax và địa chỉ email (nếu có)].

Bảng 3 (tiếp theo)

| Thứ tự | Điểm kiểm soát                                                                                                                                                                            | Tiêu chí đánh giá                                                                                                                                                                                                                                          | Mức độ      |
|--------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 10.2   | Có thể cung cấp thông tin truy xuất nguồn gốc chi tiết cho các bên yêu cầu kịp thời cũng như thu thập thông tin từ các đối tác thương mại, phù hợp với các thỏa thuận trong ngành (BRU25) | Đối với mỗi đối tác thương mại của lô/mẻ và/hoặc số xê-ri của một thương phẩm cần được truy xuất nguồn gốc, có thể có được thông tin truy xuất nguồn gốc một cách kịp thời theo thỏa thuận giữa các hội viên của hội, hiệp hội hoặc giữa các doanh nghiệp. | Khuyến nghị |
| 10.3   | Thủ tục quản lý dạng văn bản nêu chi tiết cách quản lý sự cố về truy xuất nguồn gốc                                                                                                       | Tổ chức phải có các tài liệu xác định về sự cố và nêu mọi hành động cần thực hiện để xử lý sự cố.                                                                                                                                                          | Khuyến nghị |
| 10.4   | Nhóm xử lý sự cố về mối nguy về an toàn trong tổ chức, vai trò và trách nhiệm tương ứng của nhóm                                                                                          | Tổ chức phải lập một nhóm có thẩm quyền để xử lý sự cố. Nhóm này phải được xác định rõ về vai trò và trách nhiệm.                                                                                                                                          | Khuyến nghị |
| 10.5   | Kế hoạch dạng văn bản để thu hồi sản phẩm bị ảnh hưởng                                                                                                                                    | Tổ chức cần có tài liệu nêu chi tiết cách thức thu hồi các sản phẩm bị ảnh hưởng.<br>Không trả lời "không áp dụng".                                                                                                                                        | Khuyến nghị |
| 10.6   | Quy trình quản lý mối nguy về an toàn hoặc quy trình thu hồi có thể hoạt động bất cứ lúc nào                                                                                              | Có thể chứng minh rằng thủ tục quản lý mối nguy và thủ tục thu hồi hoạt động thường trực.<br>Không trả lời "không áp dụng".                                                                                                                                | Khuyến nghị |
| 11.    | <b>Giám sát</b>                                                                                                                                                                           |                                                                                                                                                                                                                                                            |             |
| 11.1   | Hệ thống truy xuất nguồn gốc có kế hoạch giám sát và kiểm soát, kế hoạch này được thực hiện định kỳ                                                                                       | Tổ chức phải có kế hoạch giám sát và kiểm soát cho hệ thống truy xuất nguồn gốc xác minh định kỳ hoạt động hiện tại phù hợp với phạm vi và mục tiêu.<br>Không trả lời "không áp dụng".                                                                     | Bắt buộc    |
| 11.2   | Từ các kế hoạch giám sát và kiểm soát đã có, tổ chức có phản hồi hoặc kết quả từ việc xem xét hệ thống truy xuất nguồn gốc của họ                                                         | Tổ chức cần cung cấp bằng chứng về kết quả theo dõi và kiểm soát hệ thống truy xuất nguồn gốc phù hợp với kế hoạch giám sát.<br>Không trả lời "không áp dụng".                                                                                             | Khuyến nghị |
| 12.    | <b>Đánh giá nội bộ và đánh giá bên ngoài</b>                                                                                                                                              |                                                                                                                                                                                                                                                            |             |
| 12.1   | Tổ chức có theo dõi các cuộc đánh giá nội bộ và đánh giá bên ngoài để đảm bảo tuân thủ tiêu chuẩn truy xuất nguồn gốc và những cuộc đánh giá này được thực hiện ít nhất một lần mỗi năm   | Tổ chức phải có hồ sơ nêu rõ các cuộc đánh giá nội bộ hoặc đánh giá bên ngoài được thực hiện hàng năm.<br>Không trả lời "không áp dụng".                                                                                                                   | Bắt buộc    |



Bảng 3 (kết thúc)

| Thứ tự | Điểm kiểm soát                                                                                                                                                                                                  | Tiêu chí đánh giá                                                                                                                           | Mức độ                  |
|--------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|
| 12.2   | Có sẵn hồ sơ về các cuộc xem xét và đánh giá truy xuất nguồn gốc trước đó                                                                                                                                       | Tổ chức phải có hồ sơ về các kết quả xem xét và đánh giá truy xuất nguồn gốc trước đây trong tổ chức.<br><br>Không trả lời "không áp dụng". | Bắt buộc                |
| 12.3   | Có kế hoạch hành động khắc phục được thể hiện trong các cuộc đánh giá nội bộ và bên ngoài (bên thứ ba) được thực hiện để giải quyết sự không phù hợp liên quan đến các yêu cầu của hệ thống truy xuất nguồn gốc | Tổ chức phải có tài liệu mô tả các hành động được thực hiện để giải quyết sự không phù hợp của các yêu cầu hệ thống truy xuất nguồn gốc     | Bắt buộc (có điều kiện) |

## 6 Yêu cầu sản xuất, kinh doanh và quy tắc sản xuất, kinh doanh

### 6.1 Yêu cầu sản xuất, kinh doanh

"Yêu cầu sản xuất, kinh doanh" là một tuyên bố về nhu cầu liên quan đến lĩnh vực sản xuất, kinh doanh hoặc quá trình sản xuất, kinh doanh đang được xem xét. Đó là điều mà hệ thống truy xuất nguồn gốc phải thực hiện hoặc mức chất lượng mà hệ thống phải đạt được. Một yêu cầu được đưa ra vì dạng sản phẩm yêu cầu các chức năng hoặc chất lượng nhất định hoặc khách hàng muốn yêu cầu đó trở thành một phần của sản phẩm được giao. Các yêu cầu sản xuất, kinh doanh liên quan đến truy xuất nguồn gốc được nêu trong Bảng 4.

Bảng 4 – Các yêu cầu sản xuất, kinh doanh liên quan đến truy xuất nguồn gốc

| Thứ tự        | Yêu cầu sản xuất, kinh doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Lý do                                                                                                     | Tiêu chuẩn tương ứng |
|---------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|
| BR 1<br>(AMD) | Mọi địa điểm bên trong hoặc bên ngoài cần được truy xuất phải được định danh đơn nhất trên toàn cầu.<br><br>Điều này có thể ở cấp độ cao (địa điểm kho) nhưng có thể ở cấp độ chi tiết (vị trí thùng chính xác) trong kho.<br><br>Đối tác truy xuất nguồn gốc có thể lựa chọn cấp độ địa điểm mà họ định danh đơn nhất. | Để định danh đơn nhất địa điểm.                                                                           | TCVN 7199 (GLN)      |
| BR 2<br>(RTD) | Các đối tác thương mại phải được định danh đơn nhất trên toàn cầu.<br><br>Đối tác truy xuất nguồn gốc có thể lựa chọn cấp độ tác nhân nào mà họ định danh đơn nhất, ví dụ: một thực thể pháp nhân.                                                                                                                      | Việc định danh trực tiếp tác nhân cần truy xuất sẽ đẩy nhanh việc thu thập thông tin truy xuất nguồn gốc. | TCVN 7199 (GLN)      |

Bảng 4 (tiếp theo)

| Thứ tự        | Yêu cầu sản xuất, kinh doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Lý do                                                         | Tiêu chuẩn tương ứng                                                                                                                                                                                                                                                                              |
|---------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| BR 3<br>(AMD) | Mọi vật phẩm có thể truy xuất nguồn gốc cần được truy xuất xuôi hoặc truy xuất ngược giữa các đối tác truy xuất nguồn gốc phải được định danh đơn nhất trên toàn cầu.<br><br>Điều này áp dụng cho mọi cấp độ sản phẩm, ví dụ: đơn vị tiêu dùng hoặc vật phẩm có thể truy xuất nguồn gốc không qua điểm bán lẻ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Để định danh đơn nhất một vật phẩm có thể truy xuất nguồn gốc | TCVN 6939, TCVN 6940 (GTIN)                                                                                                                                                                                                                                                                       |
| BR 4<br>(AMD) | Mọi tài sản cần được truy xuất xuôi hoặc truy xuất ngược phải được định danh đơn nhất trên toàn cầu.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Để định danh đơn nhất tài sản                                 | TCVN 7639 (GRAI và GIAI)                                                                                                                                                                                                                                                                          |
| BR 5<br>(RTD) | Việc định danh vật phẩm có thể truy xuất nguồn gốc phải được ấn định chậm nhất là khi vật phẩm đó được tạo ra về mặt vật lý.<br><br>Khi vật phẩm có thể truy xuất nguồn gốc là thương phẩm thì việc định danh thương phẩm ít nhất phải sử dụng mã GTIN. Với mục đích truy xuất nguồn gốc, điều này có thể không đủ mà cần thông tin bổ sung để định danh đơn nhất một sản phẩm hoặc nhóm sản phẩm như số lô/mẻ (hoặc số xê-ri khi thích hợp).<br><br>Khi vật phẩm có thể truy xuất nguồn gốc là đơn vị logistic thì vật phẩm đó phải được định danh đơn nhất.<br><br>Đối tác truy xuất nguồn gốc có thể lựa chọn cấp độ định danh để sử dụng cho vật phẩm có thể truy xuất nguồn gốc | Để định danh đơn nhất vật phẩm có thể truy xuất nguồn gốc     | TCVN 6939, TCVN 6940 (GTIN)<br><br>GTIN + số lô/mẻ<br><br>GTIN + số xê-ri (SGTIN)<br><br>TCVN 7200 (SSCC)<br><br>Cách thực hành tốt nhất: thông tin này ít nhất phải được hiển thị ở dạng con người có thể đọc được. Ví dụ: được in trên sản phẩm/nhãn hoặc tài liệu kèm theo hoặc hồ sơ điện tử. |
| BR 6<br>(RTD) | Trong mọi trường hợp, vật phẩm có thể truy xuất nguồn gốc phải mang mã định danh đơn nhất toàn cầu trực tiếp trên vật phẩm đó hoặc tối thiểu có trên tài sản (bao bì) chứa vật phẩm đó hoặc trong tài liệu kèm theo.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Để mang mã định danh đơn nhất trên toàn cầu.                  | * Nếu vật phẩm có thể truy xuất nguồn gốc là thương phẩm:<br><br>GTIN lô/mẻ của thương phẩm:<br>GTIN + số lô/mẻ.<br><br>Thương phẩm được xê-ri hóa:<br>GTIN + số xê-ri (SGTIN).<br><br>Đơn vị logistics: SSCC.                                                                                    |

Bảng 4 (tiếp theo)

| Thứ tự        | Yêu cầu sản xuất, kinh doanh                                                                                                                                 | Lý do                                                                                                                                                 | Tiêu chuẩn tương ứng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
|---------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|               |                                                                                                                                                              |                                                                                                                                                       | <p>Chuyển hàng: GSIN.</p> <p>* Thực hành tốt nhất: việc định danh vật phẩm có thể truy xuất nguồn gốc phải có ít nhất một trong những nội dung sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- được giữ bằng điện tử;</li> <li>- được truyền đi bằng điện tử;</li> <li>- máy có thể đọc được mã vạch hoặc nhãn mã hóa mã định danh.</li> </ul> |
| BR 7<br>(RTD) | Chủ thương hiệu phải đảm bảo vật phẩm có thể truy xuất nguồn gốc mang mã định danh đơn nhất.                                                                 | Chủ thương hiệu là bên chịu trách nhiệm phân bổ mã số và mã vạch của Hệ thống GS1 hoặc thẻ EPC cho vật phẩm nhất định.                                | Tham khảo tài liệu [16]                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
| BR 8<br>(RTD) | Vật mang mã định danh phải được gắn với vật phẩm có thể truy xuất nguồn gốc cho đến khi kết thúc vòng đời của vật phẩm đó                                    | Để định danh đơn nhất vật phẩm có thể truy xuất nguồn gốc trong suốt vòng đời của vật phẩm đó.                                                        | Tham khảo tài liệu [16]                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
| BR 9<br>(RTD) | Vật mang mã định danh phải được đặt trên hoặc gắn với vật phẩm có thể truy xuất nguồn gốc khi vật phẩm được đóng gói ở cấp độ bao bì cao hơn.                | Để định danh đơn nhất vật phẩm có thể truy xuất nguồn gốc trong toàn bộ hệ thống phân cấp bao bì.                                                     | Tham khảo tài liệu [16]                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
| BR 10         | Vật mang mã định danh phải mang theo một số thông tin để liên kết với ít nhất một nguồn dữ liệu truy xuất nguồn gốc (ví dụ: chủ thương hiệu, nhà nhập khẩu). | Điều này cho phép đối tác truy xuất nguồn gốc định danh nguồn dữ liệu để có thể thực hiện yêu cầu truy xuất nguồn gốc trực tiếp với nguồn dữ liệu đó. | Tham khảo tài liệu [17]                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |

Bảng 4 (tiếp theo)

| Thứ tự         | Yêu cầu sản xuất, kinh doanh                                                                                                                                                                                        | Lý do                                                                                                                                                                                                                         | Tiêu chuẩn tương ứng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
|----------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| BR 11<br>(RTD) | Mọi bên gửi vật phẩm có thể truy xuất nguồn gốc và bên nhận vật phẩm đó phải thu thập mã định danh của vật phẩm có thể truy xuất nguồn gốc hoặc tài sản chứa vật phẩm đó từ vật mang mã định danh.                  | Để theo luồng vận chuyển của một vật phẩm có thể truy xuất nguồn gốc                                                                                                                                                          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
| BR 12<br>(RTD) | Các đối tác truy xuất nguồn gốc phải thống nhất về ít nhất một cấp độ chung của vật phẩm có thể truy xuất nguồn gốc và ở cấp độ chung này phải thống nhất về bộ dữ liệu truy xuất nguồn gốc nhất quán cần trao đổi. | Các đối tác truy xuất nguồn gốc sẽ trao đổi các vật phẩm có thể truy xuất nguồn gốc với nhau và đảm bảo rằng những hàng hóa này được định danh đơn nhất để quản lý các liên kết giữa đầu vào, các quá trình nội bộ và đầu ra. | <p>* Với mã vạch:</p> <p>Nếu vật phẩm có thể truy xuất nguồn gốc là thương phẩm đi qua điểm bán lẻ (đơn vị tiêu dùng): EAN/UPC, GS1 DataBar<sup>a)</sup>.</p> <p>Nếu thương phẩm có thể truy xuất nguồn gốc là thương phẩm không đi qua điểm bán lẻ (nhóm thương phẩm): GS1-128, ITF-14, GS1 DataMatrix, GS1 DataBar, EAN/UPC (không bao gồm EAN-8), tùy theo hướng dẫn nêu trong Tài liệu tham khảo [10].</p> <p>Nếu vật phẩm có thể truy xuất nguồn gốc là một lô/mẻ thương phẩm không qua điểm bán lẻ: GS1-128, ITF-14, GS1 DataBar, EAN/UPC (không bao gồm EAN-8);</p> <p>Nếu vật phẩm có thể truy xuất nguồn gốc là thương phẩm được gắn số xê-ri không qua điểm bán lẻ: GS1-128, ITF-14, GS1 DataBar, EAN/UPC (không bao gồm EAN-8);</p> <p>Nếu vật phẩm có thể truy xuất nguồn gốc là đơn vị logistic: GS1-128, GS1 DataBar;</p> <p>Nếu vật phẩm có thể truy xuất nguồn gốc là chuyển hàng: GS1-128.</p> |

<sup>a)</sup> Các yêu cầu kỹ thuật và dữ liệu liên quan đến GS1 DataBar và EPC đã được GS1 phê duyệt. GS1 DataBar được phê duyệt cho ứng dụng toàn cầu bị hạn chế. Cả GS1 DataBar và EPC đều đang được xem xét về tiêu chuẩn ứng dụng nhưng hiện không phải là giải pháp cho việc sử dụng mở.

Bảng 4 (kết thúc)

| Thứ tự               | Yêu cầu sản xuất, kinh doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Lý do                                                                                                                                                                                                                                                                  | Tiêu chuẩn tương ứng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
|----------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| BR 12<br>(tiếp theo) |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                                                                                                                                                        | <p>Tham khảo tài liệu [10]:</p> <p>Thẻ định danh tần số radio (RF) loại 0 - 900 MHz</p> <p>Thẻ định danh tần số radio (RF) loại 1 - 860 MHz đến 930 MHz</p> <p>Yêu cầu kỹ thuật giao diện truyền thông logic và tần số radio UHF lớp 1, thế hệ 2</p> <p>Giao thức giao diện không khí toàn cầu EPC</p> <p>Tiêu chuẩn dữ liệu thẻ EPC.</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
| BR 13<br>(RTD)       | <p>Mọi bên gửi và bên nhận vật phẩm có thể truy xuất nguồn gốc phải ghi lại và có thể chia sẻ các yếu tố dữ liệu sau đây (thường được ghi lại trong tài liệu định danh chuyển hàng):</p> <p>+ Định danh đối tác thương mại:</p> <p>Định danh bên gửi vật phẩm có thể truy xuất nguồn gốc;</p> <p>Định danh bên nhận vật phẩm có thể truy xuất nguồn gốc;</p> <p>Định danh bên gửi dữ liệu có thể truy xuất nguồn gốc;</p> <p>Định danh bên nhận dữ liệu có thể truy xuất nguồn gốc.</p> <p>+ Định danh và chi tiết về vật phẩm có thể truy xuất nguồn gốc:</p> <p>Định danh vật phẩm có thể truy xuất nguồn gốc;</p> <p>Mô tả vật phẩm có thể truy xuất nguồn gốc;</p> <p>Số lượng vật phẩm có thể truy xuất nguồn gốc;</p> <p>Ngày gửi hoặc ngày nhận vật phẩm.</p> | <p>Đây là những yêu cầu dữ liệu tối thiểu cần để thực hiện truy xuất nguồn gốc để quản lý mối liên hệ giữa đầu vào, các quá trình nội bộ và đầu ra. Mỗi ngành cần xem xét liệu việc mở rộng bộ dữ liệu tối thiểu này có cần để đáp ứng các yêu cầu dữ liệu cụ thể.</p> | <p>+ Các tiêu chuẩn về thông điệp kinh doanh</p> <p>Từ điển dữ liệu toàn cầu (GDD) EANCOM</p> <p>Số định danh ứng dụng</p> <p>Các mã vạch GS1.</p> <p>+ Các thực hành tốt</p> <p>Các vật phẩm có thể truy xuất đều phải gắn mã định danh đơn nhất toàn cầu</p> <p>+ Khi số lô/mẻ cần đảm bảo khả năng truy xuất nguồn gốc thì cần ghi lại các số lô/mẻ đó.</p> <p>+ Mã GTIN.</p> <p>+ Không cần lưu các hồ trợ trùng lặp về truy xuất nguồn gốc. Ví dụ, mã định danh chuyển hàng có thể tham chiếu cho các yếu tố dữ liệu khác như "Chuyển từ", "Chuyển đến", "Ngày dỡ hàng", "Đơn vị đo"...</p> <p>Ví dụ về mã định danh chuyển hàng: mã vận đơn, mã hóa đơn, mã công-ten-nơ...</p> |

## 6.2 Quy tắc sản xuất, kinh doanh

"Quy tắc sản xuất, kinh doanh" là tuyên bố thực tế liên quan đến lĩnh vực sản xuất, kinh doanh hoặc quá trình sản xuất, kinh doanh cần xem xét, quy tắc sản xuất, kinh doanh phải tồn tại sau những thay đổi đối với quá trình hoặc dữ liệu. Quy tắc sản xuất, kinh doanh là một ràng buộc, đặt ra những gì phải thực hiện hoặc không được thực hiện. Các quy tắc sản xuất, kinh doanh xác định trường hợp nào phải làm gì hơn là thực hiện như thế nào.

Các quy tắc sản xuất, kinh doanh liên quan đến truy xuất nguồn gốc được nêu trong Bảng 5.

**Bảng 5 – Các quy tắc sản xuất, kinh doanh liên quan đến truy xuất nguồn gốc**

| Thứ tự | Quy tắc sản xuất, kinh doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Phân loại                                                                         |
|--------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|
| BRU 1  | Các hệ thống và thủ tục truy xuất nguồn gốc phục vụ mục đích đáp ứng các yêu cầu sản xuất, kinh doanh, quy định và pháp lý bằng cách cung cấp quyền truy cập vào thông tin truy xuất nguồn gốc của sản phẩm và các bên liên quan.                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Loại quy tắc:<br>Khái niệm                                                        |
| BRU 2  | Vật phẩm có thể truy xuất nguồn gốc phải là một trong những vật phẩm sau: chuyển hàng, đơn vị logistic, thương phẩm, lô/mẻ thương phẩm, thương phẩm được gắn số xê-ri hoặc bất kỳ vật phẩm nào mà đối tác truy xuất nguồn gốc thống nhất là vật phẩm có thể truy xuất nguồn gốc                                                                                                                                                                                                                                        | Loại quy tắc:<br>Khái niệm                                                        |
| BRU 3  | Dữ liệu truy xuất nguồn gốc bao gồm thông tin về:<br>Vật phẩm có thể truy xuất nguồn gốc là gì?<br>Đối tác truy xuất nguồn gốc nào đã tham gia?<br>Địa điểm cần truy xuất?<br>Ngày/giờ, khoảng thời gian cần truy xuất?<br>Quá trình hoặc sự kiện gì đã xảy ra?<br>Thông tin sau không nằm trong phạm vi của hệ thống truy xuất nguồn gốc bên ngoài: công thức hoặc công thức đầy đủ dữ liệu tài chính hoặc giá cả, dữ liệu cá nhân của nhân viên, dữ liệu cá nhân của bệnh nhân hoặc dữ liệu nghiên cứu và phát triển | Loại quy tắc:<br>Khái niệm<br><br>Lý do: Các câu hỏi chính về truy xuất nguồn gốc |
| BRU 4  | Các nguyên tắc truy xuất nguồn gốc chính là:<br>Định danh đơn nhất các vật phẩm có thể truy xuất nguồn gốc;<br>Thu thập và ghi lại dữ liệu truy xuất nguồn gốc;<br>Chia sẻ dữ liệu truy xuất nguồn gốc giữa các đối tác truy xuất nguồn gốc;<br>Liên kết đầu vào thông qua thay đổi hoặc chế biến thành đầu ra, có thể là vật phẩm có thể truy xuất nguồn gốc giống nhau hoặc vật phẩm có thể truy xuất nguồn gốc mới                                                                                                  | Loại quy tắc:<br>Khái niệm                                                        |
| BRU 5  | Truy xuất nguồn gốc là một phần không thể thiếu trong quá trình sản xuất, kinh doanh. Truy xuất nguồn gốc không tách rời khỏi các quá trình logistics và/hoặc các chương trình chất lượng/an toàn sản phẩm.                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Loại quy tắc:<br>Khái niệm                                                        |
| BRU 6  | Một vật phẩm có thể truy xuất nguồn gốc có thể liên quan đến một vật phẩm có thể truy xuất nguồn gốc khác.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Loại quy tắc:<br>Khái niệm                                                        |
| BRU 7  | Các trường hợp vật phẩm có thể truy xuất nguồn gốc có thể tồn tại ở nhiều địa điểm cùng một lúc.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Loại quy tắc:<br>Khái niệm                                                        |
| BRU 8  | Có thể có nhiều cấp độ vật phẩm có thể truy xuất nguồn gốc cùng một lúc trong một chuyển hàng liên quan đến hệ thống phân cấp vật phẩm có thể truy xuất nguồn gốc.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Loại quy tắc:<br>Khái niệm                                                        |
| BRU 9  | Dữ liệu truy xuất nguồn gốc có thể là dữ liệu gốc, không đổi theo thời gian (ví dụ: GTIN) hoặc dữ liệu sự kiện, thay đổi theo từng thùng hàng hoặc chuyển hàng (ví dụ: lô/mẻ).                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Loại quy tắc:<br>Khái niệm                                                        |



Bảng 5 (tiếp theo)

| Thứ tự | Quy tắc sản xuất, kinh doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Phân loại                  |
|--------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|
| BRU 10 | Mọi đối tác truy xuất nguồn gốc phải có khả năng truy xuất nguồn gốc nội bộ và bên ngoài để đạt được truy xuất nguồn gốc trên toàn chuỗi cung ứng.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Loại quy tắc:<br>Hướng dẫn |
| BRU 11 | Mỗi đối tác truy xuất nguồn gốc có thể quyết định cách thức triển khai hệ thống truy xuất nguồn gốc nội bộ. Điều quan trọng là họ có thể thu thập, ghi lại và chia sẻ thông tin cần thiết với các đối tác truy xuất nguồn gốc ở đầu chuỗi và cuối chuỗi một cách chính xác và kịp thời.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Loại quy tắc:<br>Hướng dẫn |
| BRU 12 | Các đối tác truy xuất nguồn gốc sử dụng các tiêu chuẩn GS1 hoặc tiêu chuẩn tương đương để đảm bảo luồng thông tin giữa họ nhanh chóng và chính xác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Loại quy tắc:<br>Hướng dẫn |
| BRU 13 | Các đối tác truy xuất nguồn gốc không được áp đặt các biện pháp độc quyền lên các đối tác truy xuất nguồn gốc khác.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Loại quy tắc:<br>Hướng dẫn |
| BRU 14 | Mọi đối tác truy xuất nguồn gốc không nhất thiết phải lưu trữ và chia sẻ tất cả thông tin truy xuất nguồn gốc, nhưng họ phải có khả năng truy cập và chia sẻ thông tin liên quan và đã được thống nhất.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Loại quy tắc:<br>Hướng dẫn |
| BRU 15 | Số lượng thông tin tối thiểu được chia sẻ giữa các đối tác truy xuất nguồn gốc phải lớn hơn số lượng yêu cầu tối thiểu được xác định trong TCVN 12850 và các TCVN về truy xuất nguồn gốc có liên quan (ví dụ: TCVN 12827:2023 đối với rau quả tươi). Những gì cần thiết cho các giao dịch sản xuất, kinh doanh hàng ngày với các đối tác truy xuất nguồn gốc.                                                                                                                                                                                                                                                 | Loại quy tắc:<br>Hướng dẫn |
| BRU 16 | Mỗi đối tác truy xuất nguồn gốc phải xác định ít nhất một cấp độ vật phẩm có thể truy xuất nguồn gốc cho mỗi chuyển hàng.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Loại quy tắc:<br>Hướng dẫn |
| BRU 17 | Chủ thương hiệu và/hoặc bên tạo ra vật phẩm truy xuất nguồn gốc phải biết chi tiết về vật phẩm truy xuất nguồn gốc và có thể phản hồi yêu cầu truy xuất nguồn gốc.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Loại quy tắc:<br>Hướng dẫn |
| BRU 18 | Bên gửi vật phẩm có thể truy xuất nguồn gốc phải biết điều gì đã xảy ra với vật phẩm đó trong quá trình nội bộ và họ đã gửi vật phẩm đó khi nào, ở đâu và tới ai. Mỗi đối tác truy xuất nguồn gốc phải lưu trữ các liên kết dữ liệu giữa những gì được nhận, sản xuất, đóng gói, lưu trữ và vận chuyển. Khi vật phẩm có thể truy xuất nguồn gốc được trộn lẫn với các vật phẩm tương tự từ nhiều địa điểm hoặc lô, ví dụ: trong xilo hạt ngũ cốc, đối tác truy xuất nguồn gốc phải lưu trữ hồ sơ của tất cả đầu vào và đầu ra để đưa ra ước tính hợp lý về nơi vật phẩm có thể truy xuất nguồn gốc đã đi đến. | Loại quy tắc:<br>Hướng dẫn |
| BRU 19 | Bên nhận vật phẩm có thể truy xuất nguồn gốc phải biết bên gửi đã cung cấp vật phẩm đó.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Loại quy tắc:<br>Hướng dẫn |
| BRU 20 | Khi một vật phẩm có thể truy xuất nguồn gốc được chứa trong một vật phẩm có thể truy xuất nguồn gốc khác và mối quan hệ về cấp bao bì được duy trì, các đối tác truy xuất nguồn gốc có thể chỉ lưu trữ hồ sơ về sự di chuyển và vị trí của vật phẩm có thể truy xuất nguồn gốc ở cấp độ cao hơn (tham khảo BR 13 nêu trong 6.1)                                                                                                                                                                                                                                                                               | Loại quy tắc:<br>Hướng dẫn |



Bảng 5 (kết thúc)

| Thứ tự | Quy tắc sản xuất, kinh doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Phân loại                  |
|--------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|
| BRU 21 | <p>Các đối tác truy xuất nguồn gốc phải liên kết chuyển dịch vật lý của vật phẩm có thể truy xuất nguồn gốc với chuyển dịch thông tin, giữa họ với bên gửi cũng như với bên nhận vật phẩm có thể truy xuất nguồn gốc. Luồng thông tin sự kiện này phải phản ánh chính xác chuyển động vật lý.</p> <p>Mỗi liên kết này là cần thiết để vật phẩm có thể truy xuất nguồn gốc được truy xuất từ điểm ban đầu hoặc điểm sản xuất đến điểm bán lẻ hoặc điểm sử dụng hoặc người sử dụng (nếu có liên quan).</p> <p>Ngược lại, mỗi liên kết này cũng phải đảm bảo rằng sản phẩm có thể được truy xuất nguồn gốc thông qua chuỗi cung ứng.</p> | Loại quy tắc:<br>Hướng dẫn |
| BRU 22 | Bên nhận vật phẩm có thể truy xuất nguồn gốc có thể thu thập thông tin từ cả bên gửi vật phẩm trước đó và đơn vị vận chuyển trước đó (đường bộ, đường biển, đường sắt hoặc đường hàng không).                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Loại quy tắc:<br>Hướng dẫn |
| BRU 23 | Bên gửi vật phẩm có thể truy xuất nguồn gốc có thể truyền đạt thông tin cho cả bên nhận vật phẩm đó và đơn vị vận chuyển tiếp theo (đường bộ, đường biển, đường sắt hoặc đường hàng không).                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Loại quy tắc:<br>Hướng dẫn |
| BRU 24 | Bên đưa ra yêu cầu truy xuất nguồn gốc phải liên hệ với các đối tác truy xuất nguồn gốc của mình, bao gồm cả chủ thương hiệu (khi thích hợp)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Loại quy tắc:<br>Hướng dẫn |
| BRU 25 | Bên gửi dữ liệu truy xuất nguồn gốc phải trả lời bên yêu cầu thông tin truy xuất nguồn gốc càng nhanh càng tốt. Khoảng thời gian cho phép có thể được xác định trong các quy định pháp luật hoặc trong các thỏa thuận thương mại.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Loại quy tắc:<br>Hướng dẫn |
| BRU 26 | Yêu cầu truy xuất nguồn gốc có thể kích hoạt các yêu cầu truy xuất tiếp theo lên hoặc xuống chuỗi cung ứng để đáp ứng yêu cầu ban đầu.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Loại quy tắc:<br>Hướng dẫn |
| BRU 27 | Một hệ thống truy xuất nguồn gốc chỉ hoạt động tốt khi nó có hiệu quả tại mắt xích yếu nhất. Việc truy xuất nguồn gốc không thể thực hiện được nếu xảy ra lỗi tại bất kỳ điểm nào.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Loại quy tắc:<br>Hướng dẫn |
| BRU 28 | Các ngành hoặc các quốc gia có thể đưa ra các yêu cầu sản xuất, kinh doanh bổ sung ngoài các yêu cầu nêu trong TCVN 12850. Những vấn đề này cần được giải quyết bằng cách xác định các phần mở rộng cụ thể.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Loại quy tắc:<br>Hướng dẫn |
| BRU 29 | Việc truy cập và chia sẻ thông tin không bao gồm quyền sở hữu trí tuệ của từng đối tác truy xuất nguồn gốc                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Loại quy tắc:<br>Hướng dẫn |
| BRU 30 | Các đối tác truy xuất nguồn gốc có thể chọn một yếu tố dữ liệu quan trọng, cụ thể (ví dụ: mã số đơn đặt hàng) để có thể truy cập vào dữ liệu và/hoặc thông tin liên quan đến một sự kiện của vật phẩm có thể truy xuất nguồn gốc.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Loại quy tắc:<br>Hướng dẫn |

## Phụ lục A

### (tham khảo)

**So sánh các tiêu chí đánh giá nêu trong tiêu chuẩn này với các tiêu chuẩn liên quan đến truy xuất nguồn gốc và các tiêu chuẩn thực hành sản xuất tốt**

#### A.1 Khái quát

Có một số điểm kiểm soát trong Danh mục kiểm tra truy xuất nguồn gốc nêu trong Điều 5 của tiêu chuẩn này liên quan đến các yêu cầu truy xuất nguồn gốc nhất định của các tiêu chuẩn và quy định liên quan khác. Phụ lục này so sánh các điểm kiểm soát tại Điều 5 của tiêu chuẩn này và các yêu cầu truy xuất nguồn gốc của các tiêu chuẩn và quy định sau đây:

- 1) TCVN ISO 22005:2008 (ISO 22005:2007) <sup>[13]</sup>
- 2) TCVN ISO 9001:2015 (ISO 9001:2015) <sup>[10]</sup>
- 3) TCVN ISO 22000:2018 (ISO 22000:2018) <sup>[12]</sup>
- 4) BRC (Hiệp hội bán lẻ Anh quốc - British Retail Consortium) - Tiêu chuẩn toàn cầu số 8 về thực phẩm <sup>[17]</sup>
- 5) IFS (Tiêu chuẩn đặc trưng quốc tế - International Featured Standard), Phiên bản 7 về thực phẩm <sup>[22]</sup>
- 6) GlobalG.A.P, phiên bản 5.2 <sup>[19]</sup>
- 7) GFSI Benchmarking Requirements <sup>[26]</sup>
- 8) TCVN 10578 (ISO 10377) <sup>[4]</sup>
- 9) TCVN 10579 (ISO 10393) <sup>[5]</sup>
- 10) TCVN ISO 14001:2015 (ISO 14001:2015) <sup>[8]</sup>
- 11) ISO 22095:2020 <sup>[14]</sup>
- 12) IFS Logistics 2.2 <sup>[23]</sup>
- 13) IFS Logistics thị trường toàn cầu <sup>[24]</sup>
- 14) IFS HPC <sup>[25]</sup>
- 15) Hướng dẫn triển khai HL7 cho các ghi chú lâm sàng (Implementation Guide for Clinical Notes) <sup>[27]</sup>
- 16) Hướng dẫn triển khai HL7 cho UDI (Implementation Guide for UDI) <sup>[28]</sup>
- 17) DSCSA Hoa Kỳ <sup>[32]</sup>
- 18) Chỉ thị và quy định về dược phẩm giả của EU (EU Falsified Medicine Directive and Regulation) <sup>[33]</sup>.

**A.2 So sánh các tiêu chí đánh giá nêu trong tiêu chuẩn này với các tiêu chuẩn liên quan đến truy xuất nguồn gốc và các tiêu chuẩn thực hành sản xuất tốt**

**A.2.1 TCVN ISO 22005:2008 (ISO 22005:2007)**

Nội dung so sánh các tiêu chí đánh giá hệ thống truy xuất nguồn gốc nêu trong tiêu chuẩn này với các yêu cầu liên quan của TCVN ISO 22005:2008 (ISO 22005:2007) được nêu trong Bảng A.1.

**LƯU Ý:** Việc so sánh các tiêu chí đánh giá hệ thống truy xuất nguồn gốc nêu trong tiêu chuẩn này với các điều tương ứng của TCVN ISO 22005:2008 (ISO 22005:2007) chỉ để tham khảo và trong mọi trường hợp đều không ngụ ý về sự tuân thủ TCVN ISO 22005:2008 (ISO 22005:2007).<sup>2</sup>

**Bảng A.1 – So sánh các tiêu chí nêu trong tiêu chuẩn này với các yêu cầu liên quan của TCVN ISO 22005:2008 (ISO 22005:2007)**

| Điều 5 của tiêu chuẩn này                 | Điểm kiểm soát tương ứng nêu trong Điều 5 của tiêu chuẩn này | Điều tương ứng của TCVN ISO 22005:2008 (ISO 22005:2007) |
|-------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------|
| 1. Lựa chọn mục tiêu                      | 1.1, 1.3, 1.4                                                | 4, 5.1, 5.2, 5.3                                        |
| 2. Khái niệm sản phẩm                     | 2.1                                                          | 5.4                                                     |
| 3. Vị trí chuỗi cung ứng                  | 3.2                                                          | 5.5.1                                                   |
| 4. Xây dựng các thủ tục                   | 4.2                                                          | 5.6                                                     |
| 5. Dòng vật chất                          | 5.5, 5.8, 5.9, 5.11                                          | 5.5.2                                                   |
| 6. Yêu cầu về thông tin                   | 6.9                                                          | 5.5.3                                                   |
| 7. Yêu cầu về tài liệu, hồ sơ             | 7.3                                                          | 5.7                                                     |
| 8. Cơ cấu và trách nhiệm                  | 8.1, 8.2, 8.3                                                | 6.1, 6.3                                                |
| 9. Đào tạo                                | 9.1                                                          | 6.4                                                     |
| 10. Điều phối chuỗi cung ứng              | 10.1, 10.2, 10.3                                             | 5.8                                                     |
| 11. Giám sát                              | 11.1                                                         | 6.5, 6.6, 8                                             |
| 12. Đánh giá nội bộ và đánh giá bên ngoài | 12.1                                                         | 7                                                       |
| Tổng số điều được so sánh                 | 21                                                           | 18                                                      |

**A.2.2 TCVN ISO 9001:2015 (ISO 9001:2015)**

TCVN ISO 9001:2015 (ISO 9001:2015) quy định các yêu cầu đối với hệ thống quản lý chất lượng trong đó tổ chức cần chứng minh khả năng cung cấp sản phẩm một cách nhất quán, đáp ứng các yêu cầu của khách hàng cũng như yêu cầu luật định và chế định hiện hành, đồng thời nhằm mục đích nâng cao sự hài lòng của khách hàng thông qua việc áp dụng hiệu quả hệ thống, bao gồm các quá trình cải tiến liên tục của hệ thống và đảm bảo sự phù hợp với các yêu cầu của khách hàng cũng như các yêu cầu luật định và chế định hiện hành.

Nội dung so sánh các tiêu chí đánh giá hệ thống truy xuất nguồn gốc nêu trong tiêu chuẩn này với các yêu cầu liên quan của TCVN ISO 9001:2015 (ISO 9001:2015) được nêu trong Bảng A.2.

**LƯU Ý:** Việc so sánh các tiêu chí đánh giá hệ thống truy xuất nguồn gốc nêu trong tiêu chuẩn này với các điều tương ứng của TCVN ISO 9001:2015 (ISO 9001:2015) chỉ để tham khảo và trong mọi trường hợp đều không ngụ ý về sự tuân thủ TCVN ISO 9001:2015 (ISO 9001:2015).

**Bảng A.2 – So sánh các tiêu chí nêu trong tiêu chuẩn này với các yêu cầu liên quan của TCVN ISO 9001:2015 (ISO 9001:2015)**

| <b>Điều 5 của tiêu chuẩn này</b>          | <b>Điểm kiểm soát tương ứng nêu trong Điều 5 của tiêu chuẩn này</b> | <b>Điều tương ứng của TCVN ISO 9001:2015 (ISO 9001:2015)</b> |
|-------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|
| 1. Lựa chọn mục tiêu                      | 1.1, 1.2, 1.3, 1.4                                                  | 4.2, 4.3                                                     |
| 2. Khái niệm sản phẩm                     | 2.1, 2.2, 2.3, 2.4, 2.5                                             | 8.5.2                                                        |
| 3. Vị trí chuỗi cung ứng                  | 3.1, 3.2, 3.3, 3.4, 3.6, 3.7                                        | 8.5.2                                                        |
| 4. Xây dựng các thủ tục                   | 4.1, 4.2, 4.3, 4.4, 4.5, 4.6, 4.8, 4.9, 4.10                        | 8.5.1, 8.7                                                   |
| 5. Dòng vật chất                          | 5.5, 5.6, 5.7, 5.10, 5.11                                           | 8.5.2, 8.5.1                                                 |
| 6. Yêu cầu về thông tin                   | 6.1, 6.2, 6.3, 6.4, 6.5, 6.6, 6.7, 6.11, 6.12                       | 8.5.1, 8.5.2                                                 |
| 7. Yêu cầu về tài liệu, hồ sơ             | 7.1, 7.2, 7.3, 7.4                                                  | 8.5.1, 7.5.3                                                 |
| 8. Cơ cấu và trách nhiệm                  | 8.2, 8.3                                                            | 5.3, 7.1.2                                                   |
| 9. Đào tạo                                | 9.1, 9.2                                                            | 5.3, 7.1.2                                                   |
| 10. Điều phối chuỗi cung ứng              | 10.1, 10.3, 10.5, 10.6                                              | 7.5.3, 8.7, 6.1                                              |
| 11. Giám sát                              | 11.1, 11.2                                                          | 9.1                                                          |
| 12. Đánh giá nội bộ và đánh giá bên ngoài | 12.1, 12.2, 12.3                                                    | 9.2                                                          |
| Tổng số điều được so sánh                 | 54                                                                  | 11                                                           |

#### **A.2.3 TCVN ISO 22000:2018 (ISO 22000:2018)**

Nội dung so sánh các tiêu chí đánh giá hệ thống truy xuất nguồn gốc nêu trong tiêu chuẩn này với các yêu cầu liên quan của TCVN ISO 22000:2018 (ISO 22000:2018) được nêu trong Bảng A.3.

**LƯU Ý:** Việc so sánh các tiêu chí đánh giá hệ thống truy xuất nguồn gốc nêu trong tiêu chuẩn này với các điều tương ứng của TCVN ISO 22000:2018 (ISO 22000:2018) chỉ để tham khảo và trong mọi trường hợp đều không ngụ ý về sự tuân thủ TCVN ISO 22000:2018 (ISO 22000:2018).

**Bảng A.3 – So sánh các tiêu chí nêu trong tiêu chuẩn này với các yêu cầu liên quan của TCVN ISO 22000:2018 (ISO 22000:2018)**

| Điều 5 của tiêu chuẩn này                 | Điểm kiểm soát tương ứng nêu trong Điều 5 của tiêu chuẩn này | Điều tương ứng của TCVN ISO 22000:2018 (ISO 22000:2018) |
|-------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------|
| 1. Lựa chọn mục tiêu                      | 1.1, 1.2, 1.3, 1.4                                           | 4.1, 4.2, 4.3, 5.1, 5.2.1, 8.3                          |
| 2. Khái niệm sản phẩm                     | 2.3                                                          | 8.3                                                     |
| 3. Vị trí chuỗi cung ứng                  | 3.1, 3.4, 3.6                                                | 5.1, 5.3.1, 7.1.2, 7.2, 8.5.1.5.3, 7.1.5                |
| 4. Xây dựng các thủ tục                   | 4.4, 4.5, 4.9, 4.10                                          | 8.3, 8.5.1.5.3, 8.4.2                                   |
| 5. Dòng vật chất                          | 5.6, 5.11, 5.12                                              | 8.3, 8.5.1.5.3, 8.5.1.5.1, 8.6                          |
| 6. Yêu cầu về thông tin                   | 6.3, 6.4, 6.7                                                | 8.2.4, 8.3, 8.6                                         |
| 7. Yêu cầu về tài liệu, hồ sơ             | 7.2, 7.4, 7.5                                                | 7.5.3.2, 8.3, 5.3.1, 8.1, 8.4.2                         |
| 8. Cơ cấu và trách nhiệm                  | 8.3                                                          | 5.3.1, 5.3.2, 7.2                                       |
| 9. Đào tạo                                | 9.1                                                          | 5.3.2, 7.2                                              |
| 10. Điều phối chuỗi cung ứng              | 10.1, 10.2, 10.5                                             | 8.3, 8.4.2, 8.9.5                                       |
| 11. Giám sát                              | 11.1, 11.2                                                   | 8.5.4, 9.1.1, 9.3.2, 10.1.1, 10.1.2                     |
| 12. Đánh giá nội bộ và đánh giá bên ngoài | 12.1, 12.2, 12.3                                             | 9.1.2, 9.2.2, 9.3.2, 8.3, 10.1.2                        |
| Tổng số điều được so sánh                 | 31                                                           | 25                                                      |

#### **A.2.4 BRC số 8 (Hiệp hội bán lẻ Anh)**

Tiêu chuẩn BRC về thực phẩm được xây dựng để hỗ trợ các cơ sở bán lẻ thực hiện nghĩa vụ pháp lý và bảo vệ người tiêu dùng, bằng cách cung cấp cơ sở chung cho việc đánh giá các công ty cung cấp sản phẩm thực phẩm có thương hiệu của cơ sở bán lẻ. Tiêu chuẩn này đòi hỏi phải áp dụng và thực hiện HACCP.

Nội dung so sánh các tiêu chí đánh giá hệ thống truy xuất nguồn gốc nêu trong tiêu chuẩn này với các yêu cầu liên quan của Tiêu chuẩn BRC số 8 được nêu trong Bảng A.4.

**LƯU Ý:** Việc so sánh các tiêu chí đánh giá hệ thống truy xuất nguồn gốc nêu trong tiêu chuẩn này với các điều tương ứng của Tiêu chuẩn BRC số 8 chỉ để tham khảo và trong mọi trường hợp đều không ngụ ý về sự tuân thủ Tiêu chuẩn BRC số 8.

**Bảng A.4 – So sánh các tiêu chí nêu trong tiêu chuẩn này với các yêu cầu liên quan của Tiêu chuẩn BRC số 8**

| Điều 5 của tiêu chuẩn này                 | Điểm kiểm soát tương ứng nêu trong Điều 5 của tiêu chuẩn này | Điều tương ứng của Tiêu chuẩn BRC số 8                                    |
|-------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|
| 1. Lựa chọn mục tiêu                      | 1.3, 1.4                                                     | 3.9.1, 3.9.3, 1.1.1, 1.1.2, 1.1.3                                         |
| 2. Khái niệm sản phẩm                     | 2.1, 2.3                                                     | 2.1.2, 3.9.2, 3.9.1                                                       |
| 3. Vị trí chuỗi cung ứng                  | 3.1, 3.4, 3.6                                                | 1.2.1, 4.3.1, 4.2.3, 8.1.1, 2.5.1, 3.11.2, 9.5.1, 9.5.2, 3.5.1.4, 3.5.1.5 |
| 4. Xây dựng các thủ tục                   | 4.4                                                          | 2.3.1, 2.5.1                                                              |
| 5. Dòng vật chất                          | 5.1, 5.3, 5.6, 5.11                                          | 3.5.1.2, 3.5.1.6, 3.5.2.1, 3.9.2, 2.1.2, 2.5.1                            |
| 6. Yêu cầu về thông tin                   | 6.1, 6.3, 6.4, 6.5, 6.7, 6.12                                | 3.9.3, 9.5.1, 9.5.2, 2.2, 9.5.3, 5.4.4, 3.11.2                            |
| 7. Yêu cầu về tài liệu, hồ sơ             | 7.2, 7.4                                                     | 3.9.1, 4.3.1, 3.11.1, 3.2.1, 3.11.2, 3.2, 3.11.3                          |
| 8. Cơ cấu và trách nhiệm                  | 8.1, 8.3                                                     | 1.2.1, 1.2.2, 2.1.1                                                       |
| 9. Đào tạo                                | 9.1                                                          | 2.2.1, 7.1.1, 7.1.2, 7.1.3, 7.1.6, 7.1.7                                  |
| 10. Điều phối chuỗi cung ứng              | 10.1, 10.2                                                   | 3.9.3, 5.4.4, 9.5.1, 9.5.2, 9.5.3                                         |
| 11. Giám sát                              |                                                              |                                                                           |
| 12. Đánh giá nội bộ và đánh giá bên ngoài | 12.1, 12.2, 12.3                                             | 2.12.1, 3.4.1, 3.4.3, 1.1.4, 3.7.1, 3.7.2, 3.7.3, 2.3.2                   |
| Tổng số điều được so sánh                 | 28                                                           | 45                                                                        |

#### **A.2.5 IFS - Yêu cầu đánh giá thực phẩm (Phần II)**

Tiêu chuẩn Thực phẩm IFS Phiên bản 7 là tiêu chuẩn do các tổ chức phân phối lớn của Đức và Pháp ban hành, nhằm quản lý hệ thống quản lý chất lượng trong các tổ chức trong lĩnh vực thực phẩm và thức ăn chăn nuôi, với mục tiêu đạt được sự an toàn tối đa trong quá trình sản xuất và/hoặc thao tác thực phẩm. Trong phiên bản 7, có sự nhấn mạnh hơn vào đánh giá tại chỗ. Mã số địa điểm toàn cầu (GLN) là trường bắt buộc theo yêu cầu của các công ty bán lẻ và bán buôn.

Nội dung so sánh các tiêu chí đánh giá hệ thống truy xuất nguồn gốc nêu trong tiêu chuẩn này với các yêu cầu liên quan của Tiêu chuẩn Thực phẩm IFS phiên bản 7 (Phần II) được nêu trong Bảng A.5.

**LƯU Ý:** Việc so sánh các tiêu chí đánh giá hệ thống truy xuất nguồn gốc nêu trong tiêu chuẩn này với các điều tương ứng của Tiêu chuẩn Thực phẩm IFS chỉ để tham khảo và trong mọi trường hợp đều không ngụ ý về sự tuân thủ Tiêu chuẩn Thực phẩm IFS.

Bảng A.5 – So sánh các tiêu chí nêu trong tiêu chuẩn này với các yêu cầu liên quan của Tiêu chuẩn Thực phẩm IFS phiên bản 7 (Phần II)

| Điều 5 của tiêu chuẩn này                                                               | Điểm kiểm soát tương ứng nêu trong Điều 5 của tiêu chuẩn này | Điều tương ứng của tiêu chuẩn IFS phiên bản 7 (Phần II)        |
|-----------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------|
| 1. Lựa chọn mục tiêu                                                                    | 1.2, 1.3, 1.4*                                               | 1.1.1, 1.1.2, 1.2.5, 2.1.1.1, 2.1.1.2, 2.1.1.3, 2.2.2          |
| 2. Khái niệm sản phẩm                                                                   | 2.1, 2.3                                                     | 4.18.1                                                         |
| 3. Vị trí chuỗi cung ứng                                                                | 3.1, 3.3*                                                    | 3.1                                                            |
| 4. Xây dựng các thủ tục                                                                 | 4.1, 4.8, 4.11<br>4.9**, 4.10**                              | 2.2.1, 4.18.1, 4.18.7                                          |
| 5. Dòng vật chất                                                                        | 5.1, 5.3, 5.6, 5.10, 5.11                                    | 4.18.1, 2.2.3.3, 2.2.3.4                                       |
| 6. Yêu cầu về thông tin                                                                 | 6.3, 6.7, 6.9, 6.11                                          | 4.18.1                                                         |
| 7. Yêu cầu về tài liệu, hồ sơ                                                           | 7.1, 7.2, 7.3, 7.4, 7.5                                      | 5.3, 1.2, 2.1.2.2, 2.1.1.3, 2.2.3.3, 2.2.3.4, 2.1.2.1, 2.1.2.3 |
| 8. Cơ cấu và trách nhiệm                                                                | 8.1, 8.2, 8.3                                                | 3.1.1, 3.1.2, 1.2.2, 1.1.2, 1.2.4                              |
| 9. Đào tạo                                                                              | 9.1                                                          | 3.3.1, 3.3.2                                                   |
| 10. Điều phối chuỗi cung ứng                                                            | 10.2, 10.3, 10.4, 10.5                                       | 4.18.2, 5.9.1, 5.9.2                                           |
| 11. Giám sát                                                                            | 11.1, 11.2                                                   | 4.18.2, 4.18.3                                                 |
| 12. Đánh giá nội bộ và đánh giá bên ngoài                                               | 12.1, 12.2, 12.3                                             | 1.4.1, 1.4.2, 5.1.1, 5.1.2, 1.4.2, 5.11                        |
| Tổng số điều được so sánh                                                               | 39                                                           | 32                                                             |
| * Mã số địa điểm toàn cầu (GLN) là trường bắt buộc trong IFS Food phiên bản 7.          |                                                              |                                                                |
| ** Những điểm kiểm soát này được đề cập trong HACCP. IFS Food yêu cầu triển khai HACCP. |                                                              |                                                                |

A.2.6 Global G.A.P phiên bản 5.2

GlobalG.A.P là tiêu chuẩn tự nguyện cho việc chứng nhận các sản phẩm nông nghiệp trên toàn cầu. Mục đích là thiết lập một cách tiếp cận chung về Thực hành Nông nghiệp Tốt (GAP) với các ứng dụng sản phẩm khác nhau có khả năng phù hợp với toàn bộ nền nông nghiệp toàn cầu. GlobalG.A.P bao gồm một bộ tài liệu quy phạm. Các tiêu chuẩn này bao gồm Quy định chung GlobalG.A.P và Điểm kiểm soát và tuân thủ GlobalG.A.P.

Nội dung so sánh các tiêu chí đánh giá hệ thống truy xuất nguồn gốc nêu trong tiêu chuẩn này với các yêu cầu liên quan của Tiêu chuẩn GlobalG.A.P phiên bản 5.2 được nêu trong Bảng A.6.

**LƯU Ý:** Việc so sánh các tiêu chí đánh giá hệ thống truy xuất nguồn gốc nêu trong tiêu chuẩn này với các điều tương ứng của Tiêu chuẩn GlobalG.A.P chỉ để tham khảo và trong mọi trường



hợp đều không ngụ ý về sự tuân thủ Tiêu chuẩn GlobalG.A.P.

**Bảng A.6 – So sánh các tiêu chí nêu trong tiêu chuẩn này với các yêu cầu liên quan của Tiêu chuẩn GlobalG.A.P phiên bản 5.2**

| Điều 5 của tiêu chuẩn này                 | Điểm kiểm soát tương ứng nêu trong Điều 5 của tiêu chuẩn này | Điều tương ứng của tiêu chuẩn GlobalG.A.P phiên bản 5.2                              |
|-------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|
| 1. Lựa chọn mục tiêu                      | 1.1, 1.2                                                     | II (2.2) (e), CPCC (1.1.2)                                                           |
| 2. Khái niệm sản phẩm                     | 2.1, 2.2                                                     | II(8)(c), II(8)(d)                                                                   |
| 3. Vị trí chuỗi cung ứng                  | 3.1, 3.4, 3.5                                                | II (1.3.1) (i), II (1.3) (i), CPCC (1.1), II Phụ lục (1.2) (1.1.1),                  |
| 4. Xây dựng các thủ tục                   | 4.1, 4.9, 4.10                                               | II (8) (a), II (8) (g), CPCC (14.2), CPCC (9.1)                                      |
| 5. Dòng vật chất                          | 5.6                                                          | II Phụ lục (11.2) (2) (4)                                                            |
| 6. Yêu cầu về thông tin                   | 6.11                                                         | II (8) (e), II (8) (f), II Phụ lục (11.2) (2) (4)                                    |
| 7. Yêu cầu về tài liệu, hồ sơ             | 7.1, 7.4                                                     | CPCC (2.1), II (3.1) (a)                                                             |
| 8. Cơ cấu và trách nhiệm                  |                                                              |                                                                                      |
| 9. Đào tạo                                | 9.1                                                          | II (2.2) (b), II (2.2) (c), CPCC (2.1)                                               |
| 10. Điều phối chuỗi cung ứng              | 10.1, 10.2, 10.3, 10.4, 10.5, 10.6                           | CPCC (13.4), II (9) (d), II (9) (a), II (9) (b), CPCC (17.1), II (9) (c), CPCC (9.1) |
| 11. Giám sát                              |                                                              |                                                                                      |
| 12. Đánh giá nội bộ và đánh giá bên ngoài | 12.1, 12.2, 12.3                                             | II (5) (a), II (5) (d), II (6) (f), II (7) (g)                                       |
| Tổng số điều được so sánh                 | 22                                                           | 27                                                                                   |

### A.2.7 Yêu cầu đối sánh GFSI

Tài liệu GFSI là "sơ đồ đối sánh" về an toàn thực phẩm nhằm tìm cách hài hòa các phương pháp tiếp cận khác nhau của các tổ chức trong ngành như BRC, GlobalG.A.P, FSM và các chứng nhận khác. Mục đích của GFSI (Sáng kiến An toàn Thực phẩm Toàn cầu) là nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh và an toàn thực phẩm.

Nội dung so sánh các tiêu chí đánh giá hệ thống truy xuất nguồn gốc nêu trong tiêu chuẩn này với các yêu cầu liên quan của tài liệu Yêu cầu đối sánh GFSI được nêu trong Bảng A.7, tập trung vào các lĩnh vực sau:

- AI: Chăn nuôi động vật để lấy thịt/sữa/trứng/mật ong
- All: Nuôi cá và thủy sản
- BI: Trồng trọt (trừ ngũ cốc và đậu đỗ)
- BII: Trồng ngũ cốc và đậu đỗ

- BIII: Sơ chế các sản phẩm thực vật
- CO: Chuyển đổi sơ cấp của động vật
- CI: Chế biến các sản phẩm động vật dễ hư hỏng
- CII: Chế biến các sản phẩm thực vật dễ hư hỏng
- CIII: Chế biến các sản phẩm hỗn hợp động vật và thực vật dễ hư hỏng
- CIV: Chế biến các sản phẩm hỗn hợp động vật và thực vật ổn định trong môi trường xung quanh
- K: Sản xuất hóa chất (chất hóa sinh học) và chủng cấy sinh học dùng làm nguyên liệu thực phẩm hoặc chất hỗ trợ chế biến trong sản xuất thực phẩm
- I: Sản xuất bao bì thực phẩm.

**LƯU Ý:** Việc so sánh các tiêu chí đánh giá hệ thống truy xuất nguồn gốc nêu trong tiêu chuẩn này với các điều tương ứng của Yêu cầu đối sánh GFSI chỉ để tham khảo và trong mọi trường hợp đều không ngụ ý về sự tuân thủ Yêu cầu đối sánh GFSI.

**Bảng A.7 – So sánh các tiêu chí nêu trong tiêu chuẩn này với các yêu cầu liên quan của tài liệu yêu cầu đối sánh GFSI**

| Điều 5 của tiêu chuẩn này | Điểm kiểm soát tương ứng nêu trong Điều 5 của tiêu chuẩn này | Điều tương ứng của tài liệu Yêu cầu đối sánh GFSI                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
|---------------------------|--------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1. Lựa chọn mục tiêu      | 1.1, 1.3, 1.4                                                | AI (FSM) (4.1), AI (FSM) (14.1.1), AII (FSM) (4.1), AII (FSM) (4.1.1), CO (FSM) (4.1), CO (FSM) (14.1.1), CIII (FSM) (3), CIII (FSM) (10.1), CIII (FSM) (14.1.1), CIV (FSM) (3), CIV (FSM) (10.1), CIV (FSM) (14.1.1), K (FSM) (3), K (FSM) (10.1), K (FSM) (14.1.1), AI (FSM) (1), AII (HACCP) (1.1), AII (HACCP) (1.4), CO (HACCP) (1.1), CO (HACCP) (1.4), CI (FSM) (2), I (FSM) (3), I (FSM) (10.1), I (FSM) (14.1.1)                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
| 2. Khái niệm sản phẩm     | 2.1, 2.3                                                     | AI (GAP) (17), AII (FSM) (14.1.1), CO (FSM) (14.1.1), BI (FSM) (14.1.1), BII (FSM) (14.1.1), BIII (FSM) (14.1.1), CII (FSM) (14.1.1), CI (FSM) (18.2)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
| 3. Vị trí chuỗi cung ứng  |                                                              |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
| 4. Xây dựng các thủ tục   | 4.1, 4.2, 4.4, 4.8, 4.9, 4.10                                | AI (FSM) (11), AII (FSM) (11), CO (FSM) (11), CI (FSM) (4), CI (FSM) (13.1.2), BI (FSM) (14.1.1), BI (FSM) (13.1.1), BII (FSM) (14.1.1), BII (FSM) (13.1.1), BIII (FSM) (14.1.1), BIII (FSM) (13.1.1), CII (FSM) (11), CII (FSM) (14.1.1), CI (FSM) (14.1.1), AI (FSM) (9.1), AI (FSM) (14.2), AI (FSM) (22), AI (FSM) (22.3), AI (FSM) (13.2.1), AII (FSM) (1), AII (FSM) (14.1.1), AII (FSM) (14.2), AII (FSM) (22), AII (FSM) (22.3), CO (FSM) (1), CO (FSM) (14.1.1), CO (FSM) (14.2), CO (FSM) (22), CO (FSM) (22.3), CI (FSM) (4), CI (FSM) (14.1.1), CI (FSM) (22), BI (FSM) (7.1), BII (FSM) (7.1), BIII (FSM) (7.1), CII (FSM) (7.1), CIII (FSM) (14.2), CIV (FSM) (14.2), K (FSM) (7.1), I (FSM) (14.2) |

Bảng A.7 (kết thúc)

| Điều 5 của tiêu chuẩn này                 | Điểm kiểm soát tương ứng nêu trong Điều 5 của tiêu chuẩn này | Điều tương ứng của tài liệu Yêu cầu đối sánh GFSI                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
|-------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 5. Dòng vật chất                          | 5.1, 5.2, 5.3, 5.5, 5.8, 5.12                                | CI (FSM) (18.2), BI (FSM) (14.1.1), BII (FSM) (14.1.1), BIII (FSM) (14.1.1), CII (FSM) (14.1.1), AI (FSM) (14.1.1), AII (FSM) (14.1.1), CI (FSM) (14.1.1), CI (FSM) (18.2), CI (GMP) (9)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
| 6. Yêu cầu về thông tin                   | 6.1, 6.3, 6.4, 6.9, 6.10, 6.11, 6.12                         | AI (FSM) (14.1.1), AI (GAP) (17), AII (FSM) (14.1.1), CO (FSM) (14.1.1), AI (FSM) (13.2.1), BI (FSM) (13.11), BII (FSM) (13.11), BIII (FSM) (13.11), CIII (FSM) (13.2.1), CIV (FSM) (13.2.1), K (FSM) (13.2.1), AI (GAP) (17), AI (FSM) (14.1.4), AII (FSM) (14.1.4), CO (FSM) (14.1.4), I (FSM) (13.2.1)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
| 7. Yêu cầu về tài liệu, hồ sơ             | 7.1, 7.2, 7.3, 7.4                                           | AI (GAP) (17), AI (FSM) (1), AI (FSM) (9.1), AI (FSM) (9.2.1), AI (FSM) (4.1), AII (FSM) (1), AII (FSM) (9.2.1), AII (FSM) (4.1), AII (FSM) (14.2), CO (FSM) (1), CO (FSM) (9.2.1), CO (FSM) (4.1), CO (FSM) (14.2), CI (FSM) (1), CI (FSM) (9.2.1), CI (FSM) (4.1), BI (FSM) (14.2), BII (FSM) (14.2), BIII (FSM) (14.2), CII (FSM) (14.2), CIII (FSM) (14.2), CIV (FSM) (14.2), K (FSM) (14.2), I (FSM) (1), I (FSM) (9.2.1), I (FSM) (14.2)                                                                                                                                                                                                                                                                        |
| 8. Cơ cấu và trách nhiệm                  | 8.2, 8.3                                                     | AI (FSM) (12), AII (FSM) (12), CO (FSM) (12), CI (FSM) (12), CO (FSM) (11), CO (GMP) (7), CI (FSM) (4),                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
| 9. Đào tạo                                | 9.1, 9.2                                                     | AII (FSM) (2), CO (FSM) (2), CI (GMP) (7), CIII (GMP) (7), CIV (GMP) (7), K (GMP) (7), CIII (FSM) (20), CIV (FSM) (20), K (FSM) (20), I (GMP) (7), I (FSM) (20)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
| 10. Điều phối chuỗi cung ứng              | 10.1, 10.2, 10.3, 10.4, 10.5, 10.6                           | CO (FSM) (14.1.1), AI (FSM) (14.1.4), AII (FSM) (14.1.4), CO (FSM) (14.1.4), CIII (FSM) (24.1), CIV (FSM) (24.1), K (FSM) (24.1), AI (FSM) (11), AII (FSM) (11), CO (FSM) (11), BI (FSM) (7.2), BII (FSM) (7.2), BIII (FSM) (7.2), CII (FSM) (7.2), CIII (FSM) (7.2), CIV (FSM) (7.2), K (FSM) (7.2), AI (FSM) (1), AII (FSM) (1), CO (FSM) (1), CIII (HACCP) (1.1), CIV (HACCP) (1.1), K (HACCP) (1.1), AI (FSM) (22), AI (FSM) (22.3), AII (FSM) (22), AII (FSM) (22.3), CO (FSM) (22), CO (FSM) (22.3), CI (FSM) (22), BI (FSM) (22), BII (FSM) (22), BIII (FSM) (22), CII (FSM) (22), CIII (FSM) (22), CIV (FSM) (22), K (FSM) (22), CI (FSM) (9.1), I (FSM) (24.1), I (FSM) (7.2), I (HACCP) (1.1), I (FSM) (22) |
| 11. Giám sát                              | 11.1, 11.2                                                   | AI (FSM) (9.1), AI (FSM) (14.2), AI (FSM) (3), AII (FSM) (9.1), AII (FSM) (14.2), AII (FSM) (3), CO (FSM) (9.1), CO (FSM) (14.2), CO (FSM) (3), CI (FSM) (3), CI (FSM) (14.2), BI (FSM) (14.2), BI (FSM) (9.1), BII (FSM) (14.2), BII (FSM) (9.1), BIII (FSM) (14.2), BIII (FSM) (9.1), CII (FSM) (14.2), CII (FSM) (9.1), CIII (FSM) (9.1), CIII (FSM) (14.2) CIII (GMP) (9), CIV (FSM) (9.1), CIV (FSM) (14.2) CIV (GMP) (9), K (FSM) (9.1), K (FSM) (14.2), I (FSM) (9.1), I (FSM) (14.2)                                                                                                                                                                                                                          |
| 12. Đánh giá nội bộ và đánh giá bên ngoài | 12.1, 12.2, 12.3                                             | AI (FSM) (14.2), AI (FSM) (20), AI (FSM) (3), AI (FSM) (24.1), AI (FSM) (25), AII (FSM) (14.2), AII (FSM) (20), AII (FSM) (24.1), AII (FSM) (25), CO (FSM) (14.2), CO (FSM) (20), CO (FSM) (24.1), CO (FSM) (25), CI (FSM) (20), CI (FSM) (24.1), CI (FSM) (25), BI (FSM) (20), BI (FSM) (24.1), BII (FSM) (20), BII (FSM) (24.1), BIII (FSM) (20), BIII (FSM) (24.1), CII (FSM) (20), CII (FSM) (24.1), CIII (FSM) (24.1), CIV (FSM) (24.1), K (FSM) (24.1), I (FSM) (24.1)                                                                                                                                                                                                                                          |
| Tổng số điều được so sánh                 | 43                                                           | 168                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |

A.2.8 TCVN 10578 (ISO 10377)

TCVN 10578 (ISO 10377) là tiêu chuẩn cung cấp hướng dẫn thực tế nhằm tăng cường an toàn cho sản phẩm tiêu dùng trong việc nâng cao phạm vi tiếp cận sản phẩm ở hai khía cạnh, thứ nhất là trong việc kiểm tra xác nhận, đánh giá và quản lý rủi ro sản phẩm, thứ hai là cung cấp cho người tiêu dùng những cảnh báo về mối nguy hiểm và hướng dẫn sử dụng an toàn.

Nội dung so sánh các tiêu chí đánh giá hệ thống truy xuất nguồn gốc nêu trong tiêu chuẩn này với các yêu cầu liên quan của TCVN 10578 (ISO 10377) được nêu trong Bảng A.8.

**LƯU Ý:** Việc so sánh các tiêu chí đánh giá hệ thống truy xuất nguồn gốc nêu trong tiêu chuẩn này với các điều tương ứng của TCVN 10578 (ISO 10377) chỉ để tham khảo và trong mọi trường hợp đều không ngụ ý về sự tuân thủ TCVN 10578 (ISO 10377).

**Bảng A.8 – So sánh các tiêu chí nêu trong tiêu chuẩn này với các yêu cầu liên quan của TCVN 10578 (ISO 10377)**

| Điều 5 của tiêu chuẩn này                 | Điểm kiểm soát tương ứng nêu trong Điều 5 của tiêu chuẩn này | Điều tương ứng của TCVN 10578 (ISO 10377) |
|-------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|-------------------------------------------|
| 1. Lựa chọn mục tiêu                      | 1.1, 1.3, 1.4                                                | 4.1.1, 5.4, 4.1.3                         |
| 2. Khái niệm sản phẩm                     | 2.1, 2.3                                                     | 5.5.2                                     |
| 3. Vị trí chuỗi cung ứng                  |                                                              |                                           |
| 4. Xây dựng các thủ tục                   | 4.1, 4.2, 4.4, 4.5, 4.6, 4.8, 4.9, 4.10                      | 5.5.1, 5.5.2, 6.3.4.1, 8.6                |
| 5. Dòng vật chất                          | 5.1, 5.3, 5.5, 5.6, 5.10, 5.11, 5.12                         | 5.5.2, 7.3.1, 5.5.1                       |
| 6. Yêu cầu về thông tin                   | 6.1, 6.2, 6.3, 6.4, 6.5, 6.7, 6.9, 6.11, 6.12                | 5.2.3, 5.5.1, 6.3.4.1                     |
| 7. Yêu cầu về tài liệu, hồ sơ             | 7.1, 7.3, 7.4                                                | 5.2.3, 5.5.1, 4.1.4                       |
| 8. Cơ cấu và trách nhiệm                  | 8.2, 8.3                                                     | 5.2.2                                     |
| 9. Đào tạo                                | 9.1                                                          | 5.2.1, 7.2.2.4, 7.5.2                     |
| 10. Điều phối chuỗi cung ứng              | 10.1, 10.2, 10.3, 10.4, 10.5, 10.6                           | 6.3.4.1, 5.2.2                            |
| 11. Giám sát                              | 11.1, 11.2                                                   | 5.3                                       |
| 12. Đánh giá nội bộ và đánh giá bên ngoài | 12.1, 12.2, 12.3                                             | 7.5.1                                     |
| Tổng số điều được so sánh                 | 46                                                           | 16                                        |

A.2.9 TCVN 10579 (ISO 10393)

TCVN 10579 (ISO 10393) cung cấp các công cụ giúp nâng cao sự đảm bảo niềm tin của người tiêu dùng bằng cách loại bỏ các sản phẩm không an toàn trên thị trường.

Nội dung so sánh các tiêu chí đánh giá hệ thống truy xuất nguồn gốc nêu trong tiêu chuẩn này với các yêu cầu liên quan của TCVN 10579 (ISO 10393) được nêu trong Bảng A.9.

**LƯU Ý:** Việc so sánh các tiêu chí đánh giá hệ thống truy xuất nguồn gốc nêu trong tiêu chuẩn này với các điều tương ứng của TCVN 10579 (ISO 10393) chỉ để tham khảo và trong mọi trường hợp đều không ngụ ý về sự tuân thủ TCVN 10579 (ISO 10393).

**Bảng A.9 – So sánh các tiêu chí nêu trong tiêu chuẩn này với các yêu cầu liên quan của TCVN 10579 (ISO 10393)**

| Điều 5 của tiêu chuẩn này                 | Điểm kiểm soát tương ứng nêu trong Điều 5 của tiêu chuẩn này | Điều tương ứng của TCVN 10579 (ISO 10393) |
|-------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|-------------------------------------------|
| 1. Lựa chọn mục tiêu                      | 1.1, 1.3, 1.4                                                | 5.2, 5.3                                  |
| 2. Khái niệm sản phẩm                     | 2.4                                                          | 6.4.1                                     |
| 3. Vị trí chuỗi cung ứng                  | 3.2, 3.6                                                     | 6.1                                       |
| 4. Xây dựng các thủ tục                   | 4.1, 4.2, 4.4, 4.5, 4.9, 4.10                                | 6.2, 7.1, 7.2, 7.3, 7.2.5                 |
| 5. Dòng vật chất                          |                                                              |                                           |
| 6. Yêu cầu về thông tin                   | 6.7, 6.12                                                    | 6.4.1, 7.2                                |
| 7. Yêu cầu về tài liệu, hồ sơ             | 7.1                                                          | 6.4                                       |
| 8. Cơ cấu và trách nhiệm                  | 8.2                                                          | 7.1.4                                     |
| 9. Đào tạo                                | 9.1                                                          | 5.6                                       |
| 10. Điều phối chuỗi cung ứng              | 10.2, 10.3, 10.4, 10.5, 10.6                                 | 7.2, 7.1.3, 6.3, 5.2                      |
| 11. Giám sát                              | 11.1, 11.2                                                   | số 8                                      |
| 12. Đánh giá nội bộ và đánh giá bên ngoài |                                                              |                                           |
| Tổng số điều được so sánh                 | 24                                                           | 15                                        |

#### **A.2.10 TCVN ISO 14001:2015 (ISO 14001:2015)**

TCVN ISO 14001:2015 (ISO 14001:2015) quy định các yêu cầu đối với hệ thống quản lý môi trường nhằm đảm bảo tăng trưởng kinh tế - xã hội mà không ảnh hưởng đến môi trường và các điều kiện thay đổi do môi trường gây ra.

Nội dung so sánh các tiêu chí đánh giá hệ thống truy xuất nguồn gốc nêu trong tiêu chuẩn này với các yêu cầu liên quan của TCVN ISO 14001:2015 (ISO 14001:2015) được nêu trong Bảng A.10.

**LƯU Ý:** Việc so sánh các tiêu chí đánh giá hệ thống truy xuất nguồn gốc nêu trong tiêu chuẩn này với các điều tương ứng của TCVN ISO 14001:2015 (ISO 14001:2015) chỉ để tham khảo và trong mọi trường hợp đều không ngụ ý về sự tuân thủ TCVN ISO 14001:2015 (ISO 14001:2015).

**Bảng A.10 – So sánh các tiêu chí nêu trong tiêu chuẩn này với các yêu cầu liên quan của TCVN ISO 14001:2015 (ISO 14001:2015)**

| <b>Điều 5 của tiêu chuẩn này</b>          | <b>Điểm kiểm soát tương ứng nêu trong Điều 5 của tiêu chuẩn này</b> | <b>Điều tương ứng của TCVN ISO 14001:2015 (ISO 14001:2015)</b> |
|-------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------|
| 1. Lựa chọn mục tiêu                      | 1.1, 1.2, 1.3                                                       | 4.2, 4.3                                                       |
| 2. Khái niệm sản phẩm                     | 2.1, 2.2, 2.3, 2.4, 2.5                                             | 8.1                                                            |
| 3. Vị trí chuỗi cung ứng                  | 3.1, 3.2, 3.3, 3.4, 3.5, 3.6, 3.7                                   | 8.1                                                            |
| 4. Xây dựng các thủ tục                   | 4.1, 4.2, 4.3, 4.4, 4.5, 4.6                                        | 8.1, 8                                                         |
| 5. Dòng vật chất                          | 5.5, 5.6, 5.11, 5.12                                                | 8.1, 4.3, 8                                                    |
| 6. Yêu cầu về thông tin                   | 6.1, 6.2, 6.3, 6.4, 6.5, 6.6, 6.7, 6.8                              | 7.5, 8.1                                                       |
| 7. Yêu cầu về tài liệu, hồ sơ             | 7.1, 7.2, 7.3, 7.4                                                  | 7.5, 5.3,                                                      |
| 8. Cơ cấu và trách nhiệm                  | 8.2, 8.3                                                            | 7.1                                                            |
| 9. Đào tạo                                | 9.1, 9.2                                                            | 7.1                                                            |
| 10. Điều phối chuỗi cung ứng              | 10.1, 10.2, 10.4, 10.6                                              | 8.1, 8.2, 5.3, 6.1                                             |
| 11. Giám sát                              | 11.1, 11.2                                                          | 9.1                                                            |
| 12. Đánh giá nội bộ và đánh giá bên ngoài | 12.1, 12.2, 12.3                                                    | 9.2                                                            |
| <b>Tổng số điều được so sánh</b>          | <b>47</b>                                                           | <b>11</b>                                                      |

#### **A.2.11 ISO 22095:2020**

ISO 22095:2020 cung cấp các khái niệm rõ ràng về các mô hình chuỗi hành trình sản phẩm và các yêu cầu tương ứng, độc lập với các lĩnh vực, vật liệu, sản phẩm và các vấn đề được giải quyết.

Nội dung so sánh các tiêu chí đánh giá hệ thống truy xuất nguồn gốc nêu trong tiêu chuẩn này với các yêu cầu liên quan của ISO 22095:2020 được nêu trong Bảng A.11.

**LƯU Ý:** Việc so sánh các tiêu chí đánh giá hệ thống truy xuất nguồn gốc nêu trong tiêu chuẩn này với các điều tương ứng của ISO 22095:2020 chỉ để tham khảo và trong mọi trường hợp đều không ngụ ý về sự tuân thủ ISO 22095:2020.

**Bảng A.11 – So sánh các tiêu chí nêu trong tiêu chuẩn này với các yêu cầu liên quan của ISO 22095:2020**

| <b>Điều 5 của tiêu chuẩn này</b> | <b>Điểm kiểm soát tương ứng nêu trong Điều 5 của tiêu chuẩn này</b> | <b>Điều tương ứng của ISO 22095:2020</b> |
|----------------------------------|---------------------------------------------------------------------|------------------------------------------|
| 1. Lựa chọn mục tiêu             | 1.1, 1.4                                                            | 6.2, 6.3, 6.4                            |
| 2. Khái niệm sản phẩm            | 2.1, 2.2, 2.4                                                       | 5.2, 5.3.1.1, 5.3.1.2, 5.3.2.2, 5.4.1.2  |
| 3. Vị trí chuỗi cung ứng         | 3.4, 3.5, 3.6, 3.7                                                  | 5.3.2.2                                  |



Bảng A.11 (kết thúc)

| Điều 5 của tiêu chuẩn này                 | Điểm kiểm soát tương ứng nêu trong Điều 5 của tiêu chuẩn này   | Điều tương ứng của ISO 22095:2020                           |
|-------------------------------------------|----------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------|
| 4. Xây dựng các thủ tục                   | 4.1, 4.2, 4.5a, 4.8, 4.9, 4.10                                 | 5.3.1.2, 5.3.1.3, 5.3.2.2, 5.4.1.2, 6.6.2, 6.6.1, 6.2, 6.12 |
| 5. Dòng vật chất                          | 5.1, 5.2, 5.3, 5.4, 5.5, 5.6, 5.7, 5.8, 5.9, 5.10              | 5.3.2.2, 5.2, 6.7                                           |
| 6. Yêu cầu về thông tin                   | 6.1, 6.2, 6.3, 6.4, 6.5, 6.7, 6.8, 6.9, 6.10, 6.11, 6.12, 6.13 | 5.4.1.2, 5.1, 5.3.1.1, 5.3.1.2, 5.3.1.3, 6.6.1, 6.7         |
| 7. Yêu cầu về tài liệu, hồ sơ             | 7.2, 7.3, 7.4                                                  | 6.3, 6.2, 5.3.1.1, 5.4.1.4,                                 |
| 8. Cơ cấu và trách nhiệm                  | 8.2, 8.3                                                       | 6.2, 6.3                                                    |
| 9. Đào tạo                                | 9.1                                                            | 6.2, 6.3                                                    |
| 10. Điều phối chuỗi cung ứng              | 10.1                                                           | 5.3.1.1, 5.3.1.2, 5.3.1.3                                   |
| 11. Giám sát                              |                                                                |                                                             |
| 12. Đánh giá nội bộ và đánh giá bên ngoài | 12.1, 12.2, 12.3                                               | 6.5                                                         |
| Tổng số điều được so sánh                 | 47                                                             | 16                                                          |

**A.2.12 IFS Logistics 2.2**

Tiêu chuẩn Logistics IFS bao gồm ứng dụng cho mọi loại phương tiện vận tải: xe tải, tàu hỏa, thuyền, máy bay hoặc các loại phương tiện vận tải khác ở nhiệt độ được kiểm soát hoặc ở nhiệt độ phòng. Phạm vi hoạt động của IFS Logistics là thực phẩm và phi thực phẩm. IFS Logistics bao gồm mọi hoạt động logistics như bốc hàng, vận chuyển, dỡ hàng, lưu kho, xử lý và phân phối tiếp theo.

Nội dung so sánh các tiêu chí đánh giá hệ thống truy xuất nguồn gốc nêu trong tiêu chuẩn này với các yêu cầu liên quan của IFS Logistics 2.2 được nêu trong Bảng A.12.

**LƯU Ý:** Việc so sánh các tiêu chí đánh giá hệ thống truy xuất nguồn gốc nêu trong tiêu chuẩn này với các điều tương ứng của IFS Logistics 2.2 chỉ để tham khảo và trong mọi trường hợp đều không ngụ ý về sự tuân thủ IFS Logistics 2.2.

**Bảng A.12 – So sánh các tiêu chí nêu trong tiêu chuẩn này với các yêu cầu liên quan của IFS Logistics 2.2**

| Điều 5 của tiêu chuẩn này | Điểm kiểm soát tương ứng nêu trong Điều 5 của tiêu chuẩn này | Điều tương ứng của IFS Logistics 2.2 |
|---------------------------|--------------------------------------------------------------|--------------------------------------|
| 1. Lựa chọn mục tiêu      | 1.1, 1.2                                                     | 5.1, 5.7.3.11, 4, 1.3                |
| 2. Khái niệm sản phẩm     |                                                              |                                      |
| 3. Vị trí chuỗi cung ứng  |                                                              |                                      |
| 4. Xây dựng các thủ tục   |                                                              |                                      |
| 5. Dòng vật chất          |                                                              |                                      |



Bảng A.12 (kết thúc)

| Điều 5 của tiêu chuẩn này                 | Điểm kiểm soát tương ứng nêu trong Điều 5 của tiêu chuẩn này | Điều tương ứng của IFS Logistics 2.2 |
|-------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|--------------------------------------|
| 6. Yêu cầu về thông tin                   |                                                              |                                      |
| 7. Yêu cầu về tài liệu, hồ sơ             |                                                              |                                      |
| 8. Cơ cấu và trách nhiệm                  |                                                              |                                      |
| 9. Đào tạo                                | 9.1                                                          | 2.2                                  |
| 10. Điều phối chuỗi cung ứng              |                                                              |                                      |
| 11. Giám sát                              | 11.1, 11.2                                                   | 5.4, 4.1.4, 5.5                      |
| 12. Đánh giá nội bộ và đánh giá bên ngoài | 12.1, 12.2, 12.3                                             | 5.6, 5.1, 5.1.1, 5.7, 5.8.2, 5.8     |
| Tổng số điều được so sánh                 | 8                                                            | 14                                   |

A.2.13 Dịch vụ logistics thị trường toàn cầu của IFS (IFS Global Market Logistics)

IFS Global Market Logistics tìm cách đánh giá các dịch vụ logistics liên quan đến chất lượng và an toàn sản phẩm. Điều này dựa trên sự đánh giá tiến bộ và tự nguyện đối với các doanh nghiệp nhỏ hoặc kém phát triển nhằm giúp doanh nghiệp tiếp cận thị trường địa phương và tạo ra sự chấp nhận lẫn nhau trong chuỗi cung ứng.

Nội dung so sánh các tiêu chí đánh giá hệ thống truy xuất nguồn gốc nêu trong tiêu chuẩn này với các yêu cầu liên quan của IFS Global Market Logistics được nêu trong Bảng A.13.

**LƯU Ý:** Việc so sánh các tiêu chí đánh giá hệ thống truy xuất nguồn gốc nêu trong tiêu chuẩn này với các điều tương ứng của IFS Global Market Logistics chỉ để tham khảo và trong mọi trường hợp đều không ngụ ý về sự tuân thủ IFS Global Market Logistics.

Bảng A.13 – So sánh các tiêu chí nêu trong tiêu chuẩn này với các yêu cầu liên quan của IFS Global Market Logistics

| Điều 5 của tiêu chuẩn này     | Điểm kiểm soát tương ứng nêu trong Điều 5 của tiêu chuẩn này | Điều tương ứng của IFS Global Market Logistics |
|-------------------------------|--------------------------------------------------------------|------------------------------------------------|
| 1. Lựa chọn mục tiêu          | 1.2                                                          | 4                                              |
| 2. Khái niệm sản phẩm         |                                                              |                                                |
| 3. Vị trí chuỗi cung ứng      |                                                              |                                                |
| 4. Xây dựng các thủ tục       |                                                              |                                                |
| 5. Dòng vật chất              |                                                              |                                                |
| 6. Yêu cầu về thông tin       |                                                              |                                                |
| 7. Yêu cầu về tài liệu, hồ sơ |                                                              |                                                |
| 8. Cơ cấu và trách nhiệm      |                                                              |                                                |

Bảng A.13 (kết thúc)

| Điều 5 của tiêu chuẩn này                 | Điểm kiểm soát tương ứng nêu trong Điều 5 của tiêu chuẩn này | Điều tương ứng của IFS Global Market Logistics |
|-------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|------------------------------------------------|
| 9. Đào tạo                                |                                                              |                                                |
| 10. Điều phối chuỗi cung ứng              |                                                              |                                                |
| 11. Giám sát                              |                                                              |                                                |
| 12. Đánh giá nội bộ và đánh giá bên ngoài | 12.1, 12.3                                                   | 5.1, 5.4, 5.7.2                                |
| Tổng số điều được so sánh                 | 3                                                            | 4                                              |

**A.2.14 IFS HPC**

Tiêu chuẩn IFS HPC mô tả các thủ tục đánh giá đối với sản phẩm và quá trình của nhà cung cấp sản xuất các sản phẩm chăm sóc cá nhân và gia dụng.

Nội dung so sánh các tiêu chí đánh giá hệ thống truy xuất nguồn gốc nêu trong tiêu chuẩn này với các yêu cầu liên quan của IFS HPC được nêu trong Bảng A.14.

**LƯU Ý:** Việc so sánh các tiêu chí đánh giá hệ thống truy xuất nguồn gốc nêu trong tiêu chuẩn này với các điều tương ứng của IFS HPC chỉ để tham khảo và trong mọi trường hợp đều không ngụ ý về sự tuân thủ IFS HPC.

**Bảng A.14 – So sánh các tiêu chí nêu trong tiêu chuẩn này với các yêu cầu liên quan của IFS HPC**

| Điều 5 của tiêu chuẩn này                 | Điểm kiểm soát tương ứng nêu trong Điều 5 của tiêu chuẩn này | Điều tương ứng của IFS HPC |
|-------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|----------------------------|
| 1. Lựa chọn mục tiêu                      | 1.1, 1.3                                                     | 6.1, 6.7.3, 3.3            |
| 2. Khái niệm sản phẩm                     |                                                              |                            |
| 3. Vị trí chuỗi cung ứng                  |                                                              |                            |
| 4. Xây dựng các thủ tục                   |                                                              |                            |
| 5. Dòng vật chất                          |                                                              |                            |
| 6. Yêu cầu về thông tin                   |                                                              |                            |
| 7. Yêu cầu về tài liệu, hồ sơ             |                                                              |                            |
| 8. Cơ cấu và trách nhiệm                  |                                                              |                            |
| 9. Đào tạo                                | 9.1                                                          | 3.3                        |
| 10. Điều phối chuỗi cung ứng              |                                                              |                            |
| 11. Giám sát                              | 11.1, 11.2                                                   | 3.3, 4.14, 6.4, 6.6        |
| 12. Đánh giá nội bộ và đánh giá bên ngoài | 12.1, 12.3                                                   | 6.6, 6.8                   |
| Tổng số điều được so sánh                 | 7                                                            | 7                          |

**A.2.15 Hướng dẫn triển khai HL7 cho tài liệu lâm sàng Phiên bản 2: Hợp nhất các mẫu CDA cho ghi chú lâm sàng**

Nội dung so sánh các tiêu chí đánh giá hệ thống truy xuất nguồn gốc nêu trong tiêu chuẩn này với các yêu cầu liên quan của Hướng dẫn triển khai HL7 cho các ghi chú lâm sàng được nêu trong Bảng A.15.

**LƯU Ý:** Việc so sánh các tiêu chí đánh giá hệ thống truy xuất nguồn gốc nêu trong tiêu chuẩn này với các điều tương ứng của Hướng dẫn triển khai HL7 chỉ để tham khảo và trong mọi trường hợp đều không ngụ ý về sự tuân thủ Hướng dẫn triển khai HL7.

**Bảng A.15 – So sánh các tiêu chí nêu trong tiêu chuẩn này với các yêu cầu liên quan của Hướng dẫn triển khai HL7 cho các ghi chú lâm sàng**

| Điều 5 của tiêu chuẩn này                 | Điểm kiểm soát tương ứng nêu trong Điều 5 của tiêu chuẩn này | Điều tương ứng của Hướng dẫn triển khai HL7 cho các ghi chú lâm sàng |
|-------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------|
| 1. Lựa chọn mục tiêu                      |                                                              |                                                                      |
| 2. Khái niệm sản phẩm                     | 2.1, 2.2                                                     | 3.85                                                                 |
| 3. Vị trí chuỗi cung ứng                  |                                                              |                                                                      |
| 4. Xây dựng các thủ tục                   |                                                              |                                                                      |
| 5. Dòng vật chất                          | 5.5, 5.6, 5.10                                               | 3.85                                                                 |
| 6. Yêu cầu về thông tin                   | 6.3, 6.7, 6.8, 6.9, 6.10                                     | 3.85                                                                 |
| 7. Yêu cầu về tài liệu, hồ sơ             |                                                              |                                                                      |
| 8. Cơ cấu và trách nhiệm                  |                                                              |                                                                      |
| 9. Đào tạo                                |                                                              |                                                                      |
| 10. Điều phối chuỗi cung ứng              |                                                              |                                                                      |
| 11. Giám sát                              |                                                              |                                                                      |
| 12. Đánh giá nội bộ và đánh giá bên ngoài |                                                              |                                                                      |
| Tổng số điều được so sánh                 | 10                                                           | 1                                                                    |

**A.2.16 Hướng dẫn triển khai HL7 CDA R2: Mẫu bổ sung C-CDA cho Mã định danh thiết bị duy nhất (UDI) dành cho thiết bị y tế cấy ghép, Phiên bản 1**

Nội dung so sánh các tiêu chí đánh giá hệ thống truy xuất nguồn gốc nêu trong tiêu chuẩn này với các yêu cầu liên quan của Hướng dẫn triển khai HL7 cho UDI được nêu trong Bảng A.16.

**LƯU Ý:** Việc so sánh các tiêu chí đánh giá hệ thống truy xuất nguồn gốc nêu trong tiêu chuẩn này với các điều tương ứng của Hướng dẫn triển khai HL7 cho UDI chỉ để tham khảo và trong mọi trường hợp đều không ngụ ý về sự tuân thủ Hướng dẫn triển khai HL7 cho UDI.

**Bảng A.16 – So sánh các tiêu chí nêu trong tiêu chuẩn này với các yêu cầu liên quan của Hướng dẫn triển khai HL7 cho UDI**

| Điều 5 của tiêu chuẩn này                 | Điều kiểm soát tương ứng nêu trong Điều 5 của tiêu chuẩn này | Điều tương ứng của hướng dẫn triển khai HL7 cho UDI |
|-------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|
| 1. Lựa chọn mục tiêu                      |                                                              |                                                     |
| 2. Khái niệm sản phẩm                     | 2.1, 2.2                                                     | 2.2.5                                               |
| 3. Vị trí chuỗi cung ứng                  |                                                              |                                                     |
| 4. Xây dựng các thủ tục                   |                                                              |                                                     |
| 5. Dòng vật chất                          | 5.6, 5.10                                                    | 2.2.5, 2.2.12                                       |
| 6. Yêu cầu về thông tin                   | 6.7, 6.8, 6.9, 6.10                                          | 2.2.5, 2.2.12                                       |
| 7. Yêu cầu về tài liệu, hồ sơ             |                                                              |                                                     |
| 8. Cơ cấu và trách nhiệm                  |                                                              |                                                     |
| 9. Đào tạo                                |                                                              |                                                     |
| 10. Điều phối chuỗi cung ứng              |                                                              |                                                     |
| 11. Giám sát                              |                                                              |                                                     |
| 12. Đánh giá nội bộ và đánh giá bên ngoài |                                                              |                                                     |
| Tổng số điều được so sánh                 | 8                                                            | 2                                                   |

#### **A.2.17 DSCSA của Hoa Kỳ (Luật an toàn và chất lượng thuốc của Hoa Kỳ)**

DSCSA đưa ra các bước để xây dựng một hệ thống điện tử, có khả năng tương tác nhằm xác định và truy xuất nguồn gốc một số loại thuốc theo toa nhất định khi chúng được phân phối tại Hoa Kỳ.

Nội dung so sánh các tiêu chí đánh giá hệ thống truy xuất nguồn gốc nêu trong tiêu chuẩn này với các yêu cầu liên quan của DSCSA được nêu trong Bảng A.17.

**LƯU Ý:** Việc so sánh các tiêu chí đánh giá hệ thống truy xuất nguồn gốc nêu trong tiêu chuẩn này với các điều tương ứng của DSCSA chỉ để tham khảo và trong mọi trường hợp đều không ngụ ý về sự tuân thủ DSCSA.

**Bảng A.17 – So sánh các tiêu chí nêu trong tiêu chuẩn này với các yêu cầu liên quan của DSCSA**

| Điều 5 của tiêu chuẩn này                 | Điểm kiểm soát tương ứng nêu trong Điều 5 của tiêu chuẩn này | Điều tương ứng của DSCSA                                                                                                                |
|-------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1. Lựa chọn mục tiêu                      |                                                              |                                                                                                                                         |
| 2. Khái niệm sản phẩm                     | 2.1, 2.4                                                     | 614 (D)(2), 617(d)(2), 620(2)(A)(i), 621(2)(A)(iii), 621(2)(A)(iv)                                                                      |
| 3. Vị trí chuỗi cung ứng                  | 3.1, 3.6                                                     | 590(11)(b)(1)(A)(i), 605(a)(2)(A)                                                                                                       |
| 4. Xây dựng các thủ tục                   | 4.1, 4.8, 4.9, 4.10                                          | 590/591(2)(A)(i), 590/591(2)(A)(ii), 616(d)(1)(A)(iii), 619/620(1)(A)(iii), 591(4)(C)(V), 591(4)(c)(ii)                                 |
| 5. Dòng vật chất                          | 5.1, 5.5, 5.6, 5.9, 5.10                                     | 607/608(9)(A)(ii), 608/609(2)(A)(B), 589(10)(A)(i)                                                                                      |
| 6. Yêu cầu về thông tin                   | 6.3, 6.7, 6.11                                               | 616(d)(1)(A)(ii), 616(d)(1)(A)(iii), 617(d)(1)(D), 620(e)(1)(C), 620(e)(1)(A)(ii), 620(e)(1)(A)(iii), 608(b)(1)(A)(i), 608(b)(1)(A)(ii) |
| 7. Yêu cầu về tài liệu, hồ sơ             | 7.1, 7.3                                                     | 605(a)(2)(A), 615(4)(A)(iii), 616(B)(v), 618(4)(A)(iv), 619(B)(v), 621 (4)(A)(iii), 622(B)(v)                                           |
| 8. Cơ cấu và trách nhiệm                  |                                                              |                                                                                                                                         |
| 9. Đào tạo                                |                                                              |                                                                                                                                         |
| 10. Điều phối chuỗi cung ứng              | 10.1, 10.2, 10.5, 10.6                                       | 589(10)(A)(ii)(v), 614(C), 614(D), 617(d)(1)(D), 620(e)(1)(C), 588(4)                                                                   |
| 11. Giám sát                              |                                                              |                                                                                                                                         |
| 12. Đánh giá nội bộ và đánh giá bên ngoài |                                                              |                                                                                                                                         |
| Tổng số điều được so sánh                 | 22                                                           | 30                                                                                                                                      |

**A.2.18 Chỉ thị về dược phẩm giả 2011/62/EU và Quy định 2016/161**

Chỉ thị này nhằm chống lại dược phẩm giả và đảm bảo rằng thuốc an toàn và việc buôn bán thuốc được kiểm soát chặt chẽ. Quy định cung cấp chi tiết các đặc điểm của các tính năng an toàn.

Nội dung so sánh các tiêu chí đánh giá hệ thống truy xuất nguồn gốc nêu trong tiêu chuẩn này với các yêu cầu liên quan của Chỉ thị 2011/62/EU và Quy định 2016/161 được nêu trong Bảng A.18.

**LƯU Ý:** Việc so sánh các tiêu chí đánh giá hệ thống truy xuất nguồn gốc nêu trong tiêu chuẩn này với các điều tương ứng của Chỉ thị 2011/62/EU và Quy định 2016/161 chỉ để tham khảo và trong mọi trường hợp đều không ngụ ý về sự tuân thủ Chỉ thị 2011/62/EU và Quy định 2016/161.

**Bảng A.18 – So sánh các tiêu chí nêu trong tiêu chuẩn này với các yêu cầu liên quan của Chỉ thị 2011/62/EU và Quy định 2016/161**

| Điều 5 của tiêu chuẩn này                 | Điểm kiểm soát tương ứng nêu trong Điều 5 của tiêu chuẩn này | Điều tương ứng của Chỉ thị 2011/62/EU và Quy định 2016/161 |
|-------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|
| 1. Lựa chọn mục tiêu                      |                                                              |                                                            |
| 2. Khái niệm sản phẩm                     | 2.1, 2.2, 2.4                                                | Chỉ thị: (11) Điều 54 – Định danh từng gói hàng            |
| 3. Vị trí chuỗi cung ứng                  |                                                              |                                                            |
| 4. Xây dựng các thủ tục                   | 4.2                                                          | Quy định: (II) Điều 4                                      |
| 5. Dòng vật chất                          | 5.10                                                         | Quy định: (II) Điều 4                                      |
| 6. Yêu cầu về thông tin                   |                                                              |                                                            |
| 7. Yêu cầu về tài liệu, hồ sơ             | 7.3                                                          | Quy định: Điều 15                                          |
| 8. Cơ cấu và trách nhiệm                  |                                                              |                                                            |
| 9. Đào tạo                                |                                                              |                                                            |
| 10. Điều phối chuỗi cung ứng              | 10.2                                                         | Quy định: Điều 36                                          |
| 11. Giám sát                              |                                                              |                                                            |
| 12. Đánh giá nội bộ và đánh giá bên ngoài |                                                              |                                                            |
| Tổng số điều được so sánh                 | 7                                                            | 4                                                          |

### **A.3 Tóm tắt về việc so sánh các tiêu chí đánh giá nêu trong tiêu chuẩn này với các tiêu chuẩn liên quan đến truy xuất nguồn gốc và các tiêu chuẩn thực hành sản xuất tốt**

Bảng A.19 tóm tắt về việc so sánh các tiêu chí đánh giá nêu trong tiêu chuẩn này với các tiêu chuẩn liên quan đến truy xuất nguồn gốc và các tiêu chuẩn thực hành sản xuất tốt.

**Bảng A.19 – Tóm tắt về việc so sánh các tiêu chí đánh giá nêu trong tiêu chuẩn này với các tiêu chuẩn liên quan đến truy xuất nguồn gốc và các tiêu chuẩn thực hành sản xuất tốt**

| Điểm kiểm soát | TCVN ISO 22005<br>(ISO 22005) | TCVN ISO 9001<br>(ISO 9001) | TCVN ISO 22000<br>(ISO 22000 ) | BRC | Thực phẩm IFS | Global G.A.P | GFSI | TCVN 10578<br>(ISO 10377) | TCVN 15079<br>(ISO 10393) | TCVN ISO 14001<br>(14001) | ISO 22095 | IFS Logistics | IFS GML | IFS HPC | Ghi chú làm sáng HL7 | HL7 UDI | DSCSA | Chỉ thị và quy định<br>về dược phẩm giá |
|----------------|-------------------------------|-----------------------------|--------------------------------|-----|---------------|--------------|------|---------------------------|---------------------------|---------------------------|-----------|---------------|---------|---------|----------------------|---------|-------|-----------------------------------------|
| 1.1            | X                             | X                           | X                              |     |               | X            | X    | X                         | X                         | X                         | X         | X             |         | X       |                      |         |       |                                         |
| 1.2            |                               | X                           | X                              |     | X             | X            |      |                           |                           | X                         |           | X             | X       |         |                      |         |       |                                         |
| 1.3            | X                             | X                           | X                              | X   | X             |              | X    | X                         | X                         | X                         |           |               |         | X       |                      |         |       |                                         |
| 1.4            | X                             | X                           | X                              | X   | X             |              | X    | X                         | X                         |                           | X         |               |         |         |                      |         |       |                                         |
| 2.1            | X                             | X                           |                                | X   | X             | X            | X    |                           | X                         | X                         | X         |               |         |         | X                    | X       | X     | X                                       |
| 2.2            |                               | X                           |                                |     |               | X            |      |                           |                           | X                         | X         |               |         |         | X                    | X       |       | X                                       |
| 2.3            |                               | X                           | X                              | X   | X             |              | X    |                           | X                         | X                         |           |               |         |         |                      |         |       |                                         |
| 2.4            |                               | X                           |                                |     |               |              |      | X                         |                           | X                         | X         |               |         |         |                      |         | X     | X                                       |
| 2.5            |                               | X                           |                                |     |               |              |      |                           |                           | X                         |           |               |         |         |                      |         |       |                                         |
| 3.1            |                               | X                           | X                              | X   | X             | X            |      |                           |                           | X                         |           |               |         |         |                      |         | X     |                                         |
| 3.2            | X                             | X                           |                                |     |               |              |      | X                         |                           | X                         |           |               |         |         |                      |         |       |                                         |
| 3.3            |                               | X                           |                                |     | X             |              |      |                           |                           | X                         |           |               |         |         |                      |         |       |                                         |
| 3.4            |                               | X                           | X                              | X   |               | X            |      |                           |                           | X                         | X         |               |         |         |                      |         |       |                                         |
| 3.5            |                               |                             |                                |     |               | X            |      |                           |                           | X                         | X         |               |         |         |                      |         |       |                                         |
| 3.6            |                               | X                           | X                              | X   |               |              |      | X                         |                           | X                         | X         |               |         |         |                      |         | X     |                                         |
| 3.7            |                               | X                           |                                |     |               |              |      |                           |                           | X                         | X         |               |         |         |                      |         |       |                                         |
| 4.1            |                               | X                           |                                |     | X             | X            | X    | X                         | X                         | X                         | X         |               |         |         |                      |         | X     |                                         |
| 4.2            | X                             | X                           |                                |     |               |              | X    | X                         | X                         | X                         | X         |               |         |         |                      |         |       | X                                       |
| 4.3            |                               | X                           |                                |     |               |              |      |                           |                           | X                         |           |               |         |         |                      |         |       |                                         |
| 4.4            |                               | X                           | X                              | X   |               |              | X    | X                         | X                         | X                         |           |               |         |         |                      |         |       |                                         |
| 4.5            |                               | X                           | X                              |     |               |              |      | X                         | X                         | X                         |           |               |         |         |                      |         |       |                                         |
| 4.5a           |                               |                             |                                |     |               |              |      |                           |                           |                           | X         |               |         |         |                      |         |       |                                         |
| 4.6            |                               | X                           |                                |     |               |              |      |                           | X                         | X                         |           |               |         |         |                      |         |       |                                         |
| 4.7            |                               |                             |                                |     |               |              |      |                           |                           |                           |           |               |         |         |                      |         |       |                                         |
| 4.8            |                               | X                           |                                |     | X             |              | X    |                           | X                         |                           | X         |               |         |         |                      |         | X     |                                         |
| 4.9            |                               | X                           | X                              |     | X             | X            | X    | X                         | X                         |                           | X         |               |         |         |                      |         | X     |                                         |
| 4.10           |                               | X                           | X                              |     | X             | X            | X    | X                         | X                         |                           | X         |               |         |         |                      |         | X     |                                         |
| 4.11           |                               |                             |                                |     | X             |              |      |                           |                           |                           |           |               |         |         |                      |         |       |                                         |



Bảng A.19 (tiếp theo)

| Điểm kiểm soát | TCVN ISO 22005<br>(ISO 22005) | TCVN ISO 9001<br>(ISO 9001) | TCVN ISO 22000<br>(ISO 22000 ) | BRC | Thực phẩm IFS | GlobalG.A.P | GFSI<br>TCVN 10578<br>(ISO 10377) | TCVN 15079<br>(ISO 10393) | TCVN ISO 14001<br>(14001) | ISO 22095 | IFS Logistics | IFS GML | IFS HPC | Ghi chú làm sáng HL7 | HL7 UDI | DSCSA | Chỉ thị và quy định<br>về được phẩm giá |
|----------------|-------------------------------|-----------------------------|--------------------------------|-----|---------------|-------------|-----------------------------------|---------------------------|---------------------------|-----------|---------------|---------|---------|----------------------|---------|-------|-----------------------------------------|
| 5.1            |                               |                             |                                | X   | X             |             | X                                 | X                         |                           | X         |               |         |         |                      |         | X     |                                         |
| 5.2            |                               |                             |                                |     |               |             | X                                 |                           |                           | X         |               |         |         |                      |         |       |                                         |
| 5.3            |                               |                             |                                | X   | X             |             | X                                 | X                         |                           | X         |               |         |         |                      |         |       |                                         |
| 5.4            |                               |                             |                                |     |               |             |                                   |                           |                           | X         |               |         |         |                      |         |       |                                         |
| 5.5            | X                             | X                           |                                |     |               |             | X                                 | X                         | X                         | X         |               |         |         | X                    | X       | X     |                                         |
| 5.6            |                               | X                           | X                              | X   | X             | X           |                                   | X                         | X                         | X         |               |         |         | X                    |         | X     |                                         |
| 5.7            |                               | X                           |                                |     |               |             |                                   |                           |                           | X         |               |         |         |                      |         |       |                                         |
| 5.8            | X                             |                             |                                |     |               |             | X                                 |                           |                           | X         |               |         |         |                      |         |       |                                         |
| 5.9            | X                             |                             |                                |     |               |             |                                   |                           |                           | X         |               |         |         |                      |         | X     |                                         |
| 5.10           |                               | X                           |                                |     | X             |             |                                   | X                         |                           | X         |               |         |         | X                    | X       | X     | X                                       |
| 5.11           | X                             | X                           | X                              | X   | X             |             |                                   | X                         | X                         |           |               |         |         |                      |         |       |                                         |
| 5.12           |                               |                             | X                              |     |               |             | X                                 | X                         | X                         |           |               |         |         |                      |         |       |                                         |
| 6.1            |                               | X                           |                                | X   |               |             | X                                 | X                         | X                         | X         |               |         |         |                      |         |       |                                         |
| 6.2            |                               | X                           |                                |     |               |             |                                   | X                         | X                         | X         |               |         |         |                      |         |       |                                         |
| 6.3            |                               | X                           | X                              | X   | X             |             | X                                 | X                         | X                         | X         |               |         |         | X                    |         | X     |                                         |
| 6.4            |                               | X                           | X                              | X   |               |             | X                                 | X                         | X                         | X         |               |         |         |                      |         |       |                                         |
| 6.5            |                               | X                           |                                | X   |               |             |                                   | X                         | X                         | X         |               |         |         |                      |         |       |                                         |
| 6.6            |                               | X                           |                                |     |               |             |                                   |                           | X                         | X         |               |         |         |                      |         |       |                                         |
| 6.7            |                               | X                           | X                              | X   | X             |             |                                   | X                         | X                         | X         |               |         |         | X                    | X       | X     |                                         |
| 6.8            |                               |                             |                                |     |               |             |                                   |                           | X                         | X         |               |         |         | X                    | X       |       |                                         |
| 6.9            | X                             |                             |                                |     | X             |             | X                                 | X                         |                           | X         |               |         |         | X                    | X       |       |                                         |
| 6.10           |                               |                             |                                |     |               |             | X                                 |                           |                           | X         |               |         |         | X                    | X       |       |                                         |
| 6.11           |                               | X                           |                                |     | X             | X           | X                                 | X                         |                           | X         |               |         |         |                      |         | X     |                                         |
| 6.12           |                               | X                           |                                | X   |               |             | X                                 | X                         |                           | X         |               |         |         |                      |         |       |                                         |
| 6.13           |                               |                             |                                |     |               |             |                                   |                           |                           | X         |               |         |         |                      |         |       |                                         |
| 7.1            |                               |                             |                                |     | X             | X           | X                                 | X                         | X                         |           |               |         |         |                      |         | X     |                                         |
| 7.2            |                               | X                           | X                              | X   | X             |             | X                                 |                           | X                         | X         |               |         |         |                      |         |       |                                         |
| 7.3            | X                             | X                           |                                |     | X             |             | X                                 | X                         | X                         | X         |               |         |         |                      |         | X     | X                                       |
| 7.4            |                               | X                           | X                              | X   | X             | X           | X                                 | X                         | X                         | X         |               |         |         |                      |         |       |                                         |
| 7.5            |                               | X                           | X                              |     | X             |             |                                   |                           |                           |           |               |         |         |                      |         |       |                                         |

Bảng A.19 (kết thúc)

| Điểm kiểm soát | TCVN ISO 22005<br>(ISO 22005) | TCVN ISO 9001<br>(ISO 9001) | TCVN ISO 22000<br>(ISO 22000) | BRC | Thực phẩm IFS | Global G.A.P | GFSI | TCVN 10578<br>(ISO 10377) | TCVN 15079<br>(ISO 10393) | TCVN ISO 14001<br>(14001) | ISO 22095 | IFS Logistics | IFS GML | IFS HPC | Ghi chú làm sáng HL7 | HL7 UDI | DSCSA | Chỉ thị và quy định<br>về được phẩm giá |
|----------------|-------------------------------|-----------------------------|-------------------------------|-----|---------------|--------------|------|---------------------------|---------------------------|---------------------------|-----------|---------------|---------|---------|----------------------|---------|-------|-----------------------------------------|
| 8.1            | X                             |                             |                               | X   | X             |              |      |                           |                           |                           |           |               |         |         |                      |         |       |                                         |
| 8.2            | X                             |                             |                               |     | X             |              | X    | X                         | X                         | X                         | X         |               |         |         |                      |         |       |                                         |
| 8.3            | X                             |                             | X                             | X   | X             |              | X    |                           | X                         | X                         | X         |               |         |         |                      |         |       |                                         |
| 9.1            | X                             | X                           | X                             | X   | X             | X            | X    | X                         | X                         | X                         | X         | X             |         | X       |                      |         |       |                                         |
| 9.2            |                               | X                           |                               |     |               |              | X    |                           |                           | X                         |           |               |         |         |                      |         |       |                                         |
| 10.1           | X                             | X                           | X                             | X   |               | X            | X    |                           | X                         | X                         | X         |               |         |         |                      |         | X     |                                         |
| 10.2           | X                             |                             | X                             | X   | X             | X            | X    | X                         | X                         | X                         |           |               |         |         |                      |         | X     | X                                       |
| 10.3           | X                             | X                           |                               |     | X             | X            | X    | X                         | X                         |                           |           |               |         |         |                      |         |       |                                         |
| 10.4           |                               |                             |                               |     | X             | X            | X    | X                         | X                         | X                         |           |               |         |         |                      |         |       |                                         |
| 10.5           |                               | X                           | X                             |     | X             | X            | X    | X                         | X                         |                           |           |               |         |         |                      |         | X     |                                         |
| 10.6           |                               | X                           |                               |     |               | X            | X    | X                         | X                         | X                         |           |               |         |         |                      |         | X     |                                         |
| 11.1           | X                             | X                           | X                             |     | X             |              | X    | X                         | X                         | X                         |           | X             |         | X       |                      |         |       |                                         |
| 11.2           |                               | X                           | X                             |     | X             |              | X    | X                         | X                         | X                         |           | X             |         | X       |                      |         |       |                                         |
| 12.1           | X                             | X                           | X                             | X   | X             | X            | X    |                           | X                         | X                         | X         | X             | X       | X       |                      |         |       |                                         |
| 12.2           |                               | X                           | X                             | X   | X             | X            | X    |                           | X                         | X                         | X         | X             |         |         |                      |         |       |                                         |
| 12.3           |                               | X                           | X                             | X   | X             | X            | X    |                           | X                         | X                         | X         | X             | X       | X       |                      |         |       |                                         |

## Thư mục tài liệu tham khảo

- [1] Văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BNNPTNT ngày 18/5/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về truy xuất nguồn gốc, thu hồi và xử lý thực phẩm nông lâm sản không bảo đảm an toàn
- [2] TCVN 5603:2023, *Quy phạm thực hành về những nguyên tắc chung đối với vệ sinh thực phẩm*
- [3] TCVN 9086:2011, *Mã số mã vạch GS1 – Thuật ngữ và định nghĩa*
- [4] TCVN 10578 (ISO 10377), *An toàn sản phẩm tiêu dùng – Hướng dẫn người cung ứng*
- [5] TCVN 10579 (ISO 10393), *Triệu hồi sản phẩm tiêu dùng – Hướng dẫn người cung ứng*
- [6] TCVN 12827:2023, *Truy xuất nguồn gốc – Yêu cầu đối với chuỗi cung ứng rau quả tươi*
- [7] TCVN 12851:2019, *Truy xuất nguồn gốc – Yêu cầu đối với tổ chức đánh giá và chứng nhận hệ thống truy xuất nguồn gốc*
- [8] TCVN ISO 14001:2015 (ISO 14001:2015), *Hệ thống quản lý môi trường – Các yêu cầu và hướng dẫn sử dụng*
- [9] TCVN ISO 9000:2015 (ISO 9000:2015), *Hệ thống quản lý chất lượng – Cơ sở và từ vựng*
- [10] TCVN ISO 9001:2015 (ISO 9001:2015), *Hệ thống quản lý chất lượng – Các yêu cầu*
- [11] TCVN ISO 19011:2018 (ISO 19011:2018), *Hướng dẫn đánh giá hệ thống quản lý*
- [12] TCVN ISO 22000:2018 (ISO 22000:2018), *Hệ thống quản lý an toàn thực phẩm – Yêu cầu đối với các tổ chức trong chuỗi thực phẩm*
- [13] TCVN ISO 22005:2008 (ISO 22005:2007), *Xác định nguồn gốc trong chuỗi thực phẩm và thức ăn chăn nuôi – Nguyên tắc chung và yêu cầu cơ bản đối với việc thiết kế và thực hiện hệ thống*
- [14] TCVN ISO 22003-2 (ISO 22003-2), *An toàn thực phẩm – Phần 2: Yêu cầu đối với tổ chức đánh giá và chứng nhận sản phẩm, quá trình và dịch vụ, bao gồm cả đánh giá hệ thống an toàn thực phẩm*
- [15] ISO 22095:2020, *Chain of custody – General terminology and models*
- [16] *GS1 General Specifications Standard*, Release 24.0, Ratified, Jan 24
- [17] *GS1 Logistic Label Guideline*, Release 1.3, Ratified, Jul 2019
- [18] British Retail Consortium, *BRC Global Standard – Food*, Issue 8, August 2018

- [19] British Retail Consortium, BRC Global Standard Guidelines, *Traceability: Frequency of Testing*, October 2005
  - [20] GlobalGAP, *Control Points and Compliance Criteria Integrated Farm Assurance Fruit and Vegetables*, Version 5.2
  - [21] GS1 Global Traceability Standard, *Business process and system requirements for full chain traceability*, Issue 1.3.0, July 2012
  - [22] GS1 Global Traceability Standard, *GS1's framework for the design of interoperable traceability*, Release 2.0, Ratified, Aug 2017
  - [23] International Featured Standard, IFS Food, Version 7
  - [24] International Featured Standard, IFS Logistics 2.2
  - [25] International Featured Standard, IFS Global Market Logistics
  - [26] International Featured Standard, IFS HPC
  - [27] GFSI Benchmarking Requirements
  - [28] Implementation Guide for Clinical Notes
  - [29] Implementation Guide for UDI
  - [30] Public Health Security and Bioterrorism Preparedness and Response Act of 2002, "To improve the ability of the United States to prevent, prepare for, and respond to bioterrorism and other public health emergencies", United States Food and Drug Administration (FDA), June 12, 2002.
  - [31] Regulation (EC) N° 178/2002, "Laying down the general principles and requirements of food law, establishing the European Food Safety Authority and laying down procedures in matters of food safety" of the European Parliament and of the Council of January 28, 2002
  - [32] SQF 2000 Code, *A HACCP supplier assurance code for the food industry*, 5th Edition – Issued November 2005, SQF Institute
  - [33] DSCSA Hoa Kỳ
  - [34] EU Falsified Medicine Directive and Regulation
-